

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**  
*HOA PHAT GROUP JOINT  
STOCK COMPANY*

Số: 02/BCQT – HP.2026  
No: 02/BCQT – HP.2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*  
*Independence – Freedom – Happiness*

Hung Yên, ngày 28 tháng 07 năm 2026

Hung Yen, July 28, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
(6 tháng)  
(6 months)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT**

*Name of company: HOA PHAT GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên.

*Address of headoffice: Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam.*

- Điện thoại/ Telephone: 024 62848666 Fax: 024 62833456

- Email: **hoaphatgroup@hoaphat.com.vn**

- Vốn điều lệ: **76.754.658.550.000 đồng** (Bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi bốn tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

*Charter capital: 76.754.658.550.000 Vietnam dong (Seventy-six trillion, seven hundred fifty-four billion, six hundred fifty eight million, five hundred fifty thousand Vietnam dong)*

- Mã chứng khoán/ Stock symbol: HPG

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

*Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors (BOD), Board of Supervisors (BOS), General Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đang thực hiện các công việc sau: Giám sát báo cáo tài chính; thực hiện giám sát kiểm tra báo cáo tài chính của các công ty thành viên, công ty mẹ hàng tháng, báo cáo quý, giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập, giám sát giá mua vật tư hàng hóa toàn tập đoàn, kiểm tra tính tuân thủ các quy trình mua hàng, công nợ, hàng tồn kho,....

*The implementation of internal audit: Currently performing the following tasks:*

*Supervise financial reporting; Conduct monthly, quarterly, and yearly inspections of the financial reports of member companies and the parent company; Oversee independent audit services; Monitor the purchase prices of materials and goods across the group;*



*Ensure compliance with purchasing processes, debt management, inventory control, related procedures, etc.*

### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments).*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết<br>Resolution No.                                                                                                                                                            | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Nghị quyết<br>ĐHĐCĐ thường<br>niên năm 2026 số<br>01/NQ –<br>ĐHĐCĐ.2026<br><i>Resolution of the<br/>2026 annual<br/>general Meeting<br/>of Shareholders<br/>No. 01/NQ –<br/>DHDCD.2026</i> | 21/4/2026    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát nhiệm kỳ 2026 – 2031<br/><i>Approval of the list of members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors of Hoa Phat Group Joint Stock Company for the term 2026 – 2031.</i></li> <li>- Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026.<br/><i>Approval of production and business plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát.<br/><i>Approval of the report of the BOD, the report of BOS.</i></li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.<br/><i>Approval of the plan for distribution of accumulated undistributed after-tax profit as of December 31, 2025 and the proposal of profit distribution plan for 2026.</i></li> <li>- Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025<br/><i>Approval of the 2025 dividend payment plan</i></li> <li>- Thông qua tỷ lệ trả cổ tức dự kiến năm 2026.<br/><i>Approval of expected dividend payment rate in 2026.</i></li> <li>- Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.<br/><i>Approval of the remuneration of the BOD and BOS.</i></li> <li>- Thông qua nội dung sửa đổi chi tiết và bổ sung ngành, nghề đăng ký kinh doanh.<br/><i>Approval of detailed amendments and additions to registered business lines.</i></li> <li>- Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty.</li> </ul> |

|  |  |  |                                                                                                                                                                                   |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <i>Approval of the amendments to the Company's Charter.</i><br>- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025.<br><i>Approval of the 2025 Consolidated financial statements.</i> |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## **II. Hội đồng Quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Directors (Semi-annual report)**

### **1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

#### *1. Information about the members of the Board of Directors (BOD)*

| Stt.<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Members of BOD</i>              | Chức vụ<br><i>Position</i>                             | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT<br><i>The date becoming/ceasing to be the<br/>member of the BOD</i> |                                                    |
|-------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|             |                                                       |                                                        | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i>                                                                  | Ngày miễn<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>dismissal</i> |
| 1           | Ông Trần Đình Long<br><i>Mr. Tran Dinh Long</i>       | Chủ tịch<br><i>Chairman</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 2           | Ông Trần Tuấn Dương<br><i>Mr. Tran Tuan Duong</i>     | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 3           | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn<br><i>Mr. Nguyen Manh Tuan</i>   | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 4           | Ông Nguyễn Việt Thắng<br><i>Mr. Nguyen Viet Thang</i> | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 5           | Ông Hoàng Quang Việt<br><i>Mr. Hoang Quang Viet</i>   | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 6           | Ông Nguyễn Ngọc Quang<br><i>Mr. Nguyen Ngoc Quang</i> | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 7           | Ông Doãn Gia Cường<br><i>Mr. Doan Gia Cuong</i>       | Thành viên<br><i>Member</i>                            | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 8           | Ông Chu Quang Vũ<br><i>Mr. Chu Quang Vu</i>           | Thành viên<br>độc lập<br><i>Independent<br/>Member</i> | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 9           | Ông Đặng Ngọc Khánh<br><i>Mr. Dang Ngoc Khanh</i>     | Thành viên<br>độc lập<br><i>Independent<br/>Member</i> | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |
| 10          | Ông Tạ Tuấn Quang<br><i>Mr. Ta Tuan Quang</i>         | Thành viên<br>độc lập<br><i>Independent<br/>Member</i> | 21/4/2026                                                                                                        |                                                    |

## 2. Các cuộc họp HĐQT

| Stt.<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Members of BOD</i>              | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự<br><i>Number of<br/>meetings attended<br/>by BOD</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Lý do không<br>tham dự<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Trần Đình Long<br><i>Mr. Tran Dinh Long</i>       | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 2           | Ông Trần Tuấn Dương<br><i>Mr. Tran Tuan Duong</i>     | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 3           | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn<br><i>Mr. Nguyen Manh Tuan</i>   | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 4           | Ông Doãn Gia Cường<br><i>Mr. Doan Gia Cuong</i>       | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 5           | Ông Hoàng Quang Việt<br><i>Mr. Hoang Quang Viet</i>   | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 6           | Ông Nguyễn Ngọc Quang<br><i>Mr. Nguyen Ngoc Quang</i> | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 7           | Ông Nguyễn Việt Thắng<br><i>Mr. Nguyen Viet Thang</i> | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 8           | Ông Chu Quang Vũ<br><i>Mr. Chu Quang Vu</i>           | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 9           | Ông Đặng Ngọc Khánh<br><i>Mr. Dang Ngoc Khanh</i>     | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |
| 10          | Ông Tạ Tuấn Quang<br><i>Mr. Ta Tuan Quang</i>         | 09                                                                               | 100%                                               |                                                          |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

### 3. Supervising the BOB by the BOD:

- Thường xuyên chỉ đạo, giám sát Ban Giám đốc Công ty trong việc triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đạt được các mục tiêu đề ra.

*Regularly direct and supervise the BOM in implementing production and business plans and achieving set goals.*

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai các dự án đầu tư của Công ty.

*Inspect and supervise the implementation of the company's investment projects.*

- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật hiện hành.

*Check compliance and compliance of the Enterprise Law, the Company's Charter and current provisions of law.*

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có.

### 4. Activities of the BOD' subcommittees: No.

## 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)

5. Resolutions/ Decisions of the BOD (Semi-annual report)

| STT | Số Nghị quyết                                   | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | Số 01/NQHP – 2026<br><i>No. 01/NQHP – 2026</i>  | 09/01/2026 | Thông qua giao dịch với bên liên quan<br><i>Approval of related party transactions</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 100%            |
| 2   | Số 02/NQHP – 2026<br><i>No. 02/NQHP – 2026</i>  | 12/01/2026 | Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát<br><i>Approval of the transfer of shares in Hoa Phat Agricultural Development Joint Stock Company.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 100%            |
| 3   | Số 03/NQHP -- 2026<br><i>No. 03/NQHP – 2026</i> | 25/02/2026 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.<br/><i>Approval of the time and location of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i></li> <li>- Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.<br/><i>Approval of the finalization of the list of shareholders to organize the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i></li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 100%            |
| 4   | Số 04/NQHP – 2026<br><i>No. 04/NQHP – 2026</i>  | 27/03/2026 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 trình ĐHĐCĐ.<br/><i>Approval of the Regulations on organizing the 2026 Annual General Meeting of Shareholders and submit to the General Meeting of Shareholders.</i></li> <li>- Thông qua Quy chế bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031<br/><i>Approval of the Regulation on the election of members of the BOD and members of the BOS for the term 2026 – 2031 and submit to the General Meeting of Shareholders.</i></li> <li>- Thông qua báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ.<br/><i>Approval of the report of the BOD to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></li> <li>- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 trình ĐHĐCĐ.</li> </ul> | 100%            |

|   |                                         |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|---|-----------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   |                                         |            | <p><i>Approval of the production and business plan for 2026 to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua tình hình phân phối lợi nhuận năm 2025, đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the profit distribution in 2025 and proposing the profit distribution plan for 2026 to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2025 trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the 2025 dividend payment plan to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2026 trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the proposed 2026 dividend rate to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the remuneration of the BOD and BOS to be submitted to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua nội dung sửa đổi ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of detailed amendments and additions to registered business lines and submit to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the amending of the Company's Charter and submit to the General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>- Thông qua BCTC đã được kiểm toán năm 2025 trình ĐHĐCĐ.</p> <p><i>Approval of the 2025 Consolidated financial statements and submit to the General Meeting of Shareholders.</i></p> |      |
| 5 | Số 05/NQHP – 2026<br>No. 05/NQHP – 2026 | 09/04/2026 | <p>Thông qua việc CTCP Tập đoàn Hòa Phát góp tăng vốn tại CTCP Gang thép Hòa Phát.</p> <p><i>Approval of Hoa Phat Group Joint Stock Company's contribution to increase capital at Hoa Phat Iron And Steel Joint Stock Company.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 100% |

|   |                                                |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|---|------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6 | Số 06/NQHP – 2026<br><i>No. 06/NQHP – 2026</i> | 22/04/2026 | Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Hòa Phát.<br><i>Election of the Chairman and Vice Chairman of the Board of Director, appointing the following individuals to the position of General Director of Hoa Phat Group Joint Stock Company.</i> | 100% |
| 7 | Số 07/NQHP – 2026<br><i>No. 07/NQHP – 2026</i> | 28/04/2026 | Thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2025.<br><i>Approval of the detailed dividend payment plan for 2025.</i>                                                                                                                                                                    | 100% |
| 8 | Số 08/NQHP – 2026<br><i>No. 08/NQHP – 2026</i> | 20/06/2026 | Thông qua việc CTCP Tập đoàn Hòa Phát góp vốn thành lập CTCP Điện gió ngoài khơi Sông Hậu.<br><i>Approval of Hoa Phat Group Joint Stock Company's capital contribution to establish Song Hau Offshore Wind Power Joint Stock Company.</i>                                                   | 100% |
| 9 | Số 09/NQHP – 2026<br><i>No. 09/NQHP – 2026</i> | 22/06/2026 | Thông qua việc CTCP Tập đoàn Hòa Phát góp tăng vốn tại CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát.<br><i>Approval of Hoa Phat Group Joint Stock Company's contribution to increase capital at Hoa Phat Steel Products Joint Stock Company.</i>                                                             | 100% |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Supervisors (Semi-annual report)

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

##### 1. Information about members of Board of Supervisors (BOS)

| Stt No. | Thành viên BKS<br><i>Members of BOS</i>          | Chức vụ<br><i>Position</i>       | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the BOS</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>   |
|---------|--------------------------------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 01      | Bà Bùi Thị Hải Vân<br><i>Ms. Bui Thi Hai Van</i> | Trưởng ban<br><i>Head of BOS</i> | 21/4/2026                                                                                                | Cử nhân Kế toán<br><i>Accounting Bachelor</i> |
| 02      | Bà Ngô Lan Anh<br><i>Ms. Ngo Lan Anh</i>         | Thành viên<br><i>Member</i>      | 21/4/2026                                                                                                | Cử nhân Luật<br><i>Bachelor of Law</i>        |
| 03      | Bà Thái Thị Lộc<br><i>Ms. Thai Thi Loc</i>       | Thành viên<br><i>Member</i>      | 21/4/2026                                                                                                | Cử nhân Luật<br><i>Bachelor of Law</i>        |

#### 2. Cuộc họp của BKS

## 2. Meetings of BOS

| Stt<br>No. | Thành viên BKS<br><i>Members of BOS</i>          | Số buổi<br>họp tham<br>dự<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ<br>biểu<br>quyết<br><i>Voting<br/>rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 01         | Bà Bùi Thị Hải Vân<br><i>Ms. Bui Thi Hai Van</i> | 02                                                                      | 100%                                               | 100%                                             |                                                              |
| 02         | Bà Ngô Lan Anh<br><i>Ms. Ngo Lan Anh</i>         | 02                                                                      | 100%                                               | 100%                                             |                                                              |
| 03         | Bà Thái Thị Lộc<br><i>Ms. Thai Thi Loc</i>       | 02                                                                      | 100%                                               | 100%                                             |                                                              |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

3. *Supervising BOD, BOM and shareholders by Board of Supervisors:*

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Điều lệ Công ty và các văn bản của Ban lãnh đạo Tập đoàn.

*Supervise the implementation of Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions of the BOD, Company charter and documents of the Group's Board of Directors.*

- Xem xét việc thực hiện và tiến độ thực hiện các dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

*Review the implementation and progress of projects currently in the investment phase.*

- Xem xét BCTC riêng công ty mẹ và BCTC hợp nhất quý, năm và đưa ra những kiến nghị kịp thời về các vấn đề có liên quan.

*Review the parent company's separate financial statements and quarterly and annual consolidated financial statements and make timely recommendations on related issues.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Tập đoàn.

4. *The coordination among the BOS, the BOD, the BOM, and other managers: Fully participate in meetings of the BOM, and propose ideas to enhance the Group's operational efficiency.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.

5. *Other activities of the BOS (if any): No.*

## IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

| Stt<br>No. | Thành viên Ban điều hành<br><i>Members of BOM</i>              | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i>            | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành<br><i>Date of appointment/dismissal of members of the BOM</i> |
|------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01         | Ông Nguyễn Việt Thắng<br><i>Mr. Nguyen Viet Thang</i>          | 04/02/1970                                  | Kỹ sư xây dựng<br><i>Bachelor of civil engineering</i> | 26/04/2021                                                                                           |
| 02         | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên<br><i>Ms. Nguyen Thi Thao Nguyen</i> | 01/01/1973                                  | Cử nhân Kinh tế<br><i>Bachelor of economics</i>        | 01/09/2010                                                                                           |
| 03         | Bà Trần Thị Thu Hiền<br><i>Ms. Tran Thi Thu Hien</i>           | 19/09/1984                                  | Cử nhân Luật<br><i>Bachelor of Law</i>                 | 01/12/2023                                                                                           |

#### V. Kế toán trưởng/ *Chief Accountant*

| Họ và tên<br><i>Name</i>                             | Ngày tháng năm sinh<br><i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br><i>Date of appointment/dismissal</i> |
|------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Kim Oanh<br><i>Ms. Pham Thi Kim Oanh</i> | 21/10/1982                                  | Thạc sỹ kinh tế<br><i>Master of economics</i>         | 28/04/2016                                                        |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: chưa tham gia.

*Training courses on corporate governance were involved by members of BOM, the BOS, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Have not participated yet.*

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Phụ lục 01 đính kèm

*1. The list of affiliated persons of the Company: Detail attached Appendix No. 01.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Phụ lục 02 đính kèm

2. *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and related person of internal persons: Detail attached Appendix No. 2.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

3. *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries , other companies in which the Company takes controlling power: No.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

4. *Transactions between the Company and other persons/organizations: No.*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Phụ lục 02 đính kèm

4.1. *Transactions between the Company and the company that its members of BOD, the BOS, Director (General Director or CEO) have been founding members or members of BOD, or Director (General Director or CEO) in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Detail attached Appendix No. 02.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.2. *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of BOD, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of BOD, Director (General Director or CEO): No.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

4.3. *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: No.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report):***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; Phụ lục 03 đính kèm.

1. *The list of internal persons and their affiliated persons: Detail attached Appendix No 03.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết: Phụ lục 04 đính kèm.

2. *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Detail attached Appendix No 04.*

**VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues: Không có/ No.***

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như Kính gửi/ *As above.*
- Lưu/ *Archived:* VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Trần Đình Long*

Phụ lục 01: Danh sách về người có liên quan của công ty / The list of affiliated persons of the public company

a Danh sách người nội bộ / Insider list

| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name         | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) /<br>Position at the company (if any)                                                       | Số Giấy<br>NSH/No. *,<br>date of<br>issue, place<br>of issue (*) | Ngày cấp<br>/date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of<br>issue                 | Địa chỉ liên hệ / Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/Time<br>of starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người<br>có liên<br>quan/Time<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Ghi<br>chú/<br>Note |
|-------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1           | 2                         | 3                                                                                                     | 4                                                                                                                        | 5                                                                | 6                             | 7                                          | 8                         | 9                                                                                                     | 10                                                                                                    | 11                  |
| 1           | Trần Đình Long            |                                                                                                       | Chủ tịch HĐQT /Chairman                                                                                                  |                                                                  |                               | Bộ công an/ Ministry<br>of Public Security |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 2           | Trần Tuấn Dương           |                                                                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of<br>BOM                                                                                |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 3           | Doãn Gia Cường            |                                                                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of<br>BOM                                                                                |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 4           | Nguyễn Mạnh Tuấn          |                                                                                                       | Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of<br>BOM                                                                                |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 5           | Nguyễn Ngọc Quang         |                                                                                                       | Thành viên HĐQT/Member of BOM                                                                                            |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 6           | Hoàng Quang Việt          |                                                                                                       | Thành viên HĐQT/Member of BOM                                                                                            |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 7           | Nguyễn Việt Thắng         |                                                                                                       | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám<br>đốc/Member of BOM &CEO                                                                 |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 8           | Chu Quang Vũ              |                                                                                                       | Thành viên độc lập HĐQT<br>/Independent Member                                                                           |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 9           | Đặng Ngọc Khánh           |                                                                                                       | Thành viên độc lập HĐQT<br>/Independent Member                                                                           |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 10          | Tạ Tuấn Quang             |                                                                                                       | Thành viên độc lập HĐQT<br>/Independent Member                                                                           |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 11          | Nguyễn Thị Thảo<br>Nguyễn |                                                                                                       | Phó Tổng Giám đốc/Deputy General<br>Manager                                                                              |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 01/09/2010                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 12          | Trần Thị Thu Hiền         |                                                                                                       | PTGD kiêm Người phụ trách quản trị<br>Công ty /Deputy General Manager<br>cum Person in charge of corporate<br>governance |                                                                  |                               | Bộ công an/ Ministry<br>of Public Security |                           | 01/12/2023                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 13          | Phạm Thị Kim Oanh         |                                                                                                       | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán<br>trưởng/CFO and Chief Accountant                                                       |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 28/04/2016                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 14          | Bùi Thị Hải Vân           |                                                                                                       | Trưởng BKS /Head of BOS                                                                                                  |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |
| 15          | Ngô Lan Anh               |                                                                                                       | Thành viên BKS/Member of BOS                                                                                             |                                                                  |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department          |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                       |                     |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Full name | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)/<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công ty (nếu có) /<br>Position at the company (if any)     | Số Giấy<br>NSH/No.*,<br>date of<br>issue, place<br>of issue (*) | Ngày cấp<br>/date of<br>issue | Nơi cấp/ Place of<br>issue        | Địa chỉ liên hệ / Address | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có liên<br>quan/Time<br>of starting<br>to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người<br>có liên<br>quan/Time<br>e of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Ghi<br>chú/<br>Note |
|-------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 16          | Thái Thị Lộc      |                                                                                                       | Thành viên BKS/Member of BOS                                           |                                                                 |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department |                           | 21/04/2026                                                                                            |                                                                                                               |                     |
| 17          | Lê Minh Thúy      |                                                                                                       | Người phụ trách Kiểm toán nội<br>bộ/Person in charge of Internal Audit |                                                                 |                               | Cục cảnh sát/Police<br>Department |                           | 11/03/2024                                                                                            |                                                                                                               |                     |

**Phụ lục 01: Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the public company**

b, Người có liên quan là công ty con/The related party is the company.

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registrations No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                                 | Trụ sở chính/Head office                                                                                                                                                                                                | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 1        | CTCP Gang thép Hòa Phát /Hoa Phat Iron and Steel JSC                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0109463408                             | 18/12/2020                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/ Provincial Department of Finance of Ha Noi                     | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66 Nguyễn Du, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam                                                                                                         | T12.2020                                                              |                                                               |                |
| 2        | Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên/Hoa Phat Hung Yen Steel Co., Ltd           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900629369                             | 24/11/2010                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                                                   | T12.2020                                                              |                                                               |                |
| 3        | Công ty TNHH MTV Hòa Phát - Bình Định/Hoa Phat - Binh Dinh One Member LLC      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4101014951                             | 21/12/2009                           | Sở Tài chính tỉnh Gia Lai / Provincial Department of Finance of Gia Lai province       | Lô A4-01, KCN Nhơn Hội (Khu A), Khu Kinh tế Nhơn Hội, Phường Quy Nhơn Đông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam/Lot A4-01, Nhon Hoi Industrial Park (Zone A), Nhon Hoi Economic Zone, Quy Nhon Dong ward, Gia Lai Province, Viet Nam | 2020                                                                  |                                                               |                |
| 4        | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nhom Trach/Nhon Trach Service Trading Co., Ltd | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3603416878                             | 26/10/2016                           | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai / Provincial Department of Finance of Dong Nai province     | Tổ 6, ấp Vĩnh Tuy, xã Nhom Trach, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/Group 6, Vinh Tuy hamlet, Nhon Trach commune, Dong Nai province, Vietnam                                                                                      | 2020                                                                  |                                                               |                |
| 5        | CTCP Thép Hòa Phát Hải Dương/Hoa Phat Hai Duong Steel JSC                      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0800384651                             | 17/08/2007                           | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province    | Tổ dân phố Hiệp Thượng, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam                                                                     | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 6        | CTCP Năng lượng Hòa Phát/Hoa Phat Energy JSC                                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0800385380                             | 30/8/2007                            | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province    | Tổ dân phố Hiệp Thượng, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam                                                                     | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 7        | CTCP Vận tải biển Hòa Phát/Hoa Phat Shipping JSC                               | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0801300608                             | 24/10/2019                           | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province    | Tổ dân phố Hiệp Thượng, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam                                                                     | 2019                                                                  |                                                               |                |
| 8        | CTCP Thép Hòa Phát Dung Quất/Hoa Phat Dung Quat Steel JSC                      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300793861                             | 03/02/2017                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province, Vietnam                                                                                 | 2017                                                                  |                                                               |                |
| 9        | CTCP Óng thép Hòa Phát Dung Quất/Hoa Phat Steel Products JSC                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300808405                             | 21/11/2017                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province, Vietnam                                                                                 | 2017                                                                  |                                                               |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                            | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                                 | Trụ sở chính/Head office                                                                                                                                                              | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ / The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|
| 10       | CTCP Hợp kim sắt Hòa Phát Dung Quất/Hoa Phat Dung Quat Iron Alloy JSC      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300808370                            | 20/11/2017                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province, Vietnam                                               | 2017                                                                  |                                                                |                |
| 11       | CTCP Cảng tổng hợp Hòa Phát/Hoa Phat General Port JSC                      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300823146                            | 17/8/2018                            | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province, Vietnam                                               | 2018                                                                  |                                                                |                |
| 12       | Công ty TNHH HARMONIA/Harmonia Limited Liability                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300839192                            | 3/7/2019                             | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat Economic Zone, Van Tuong Commune, Quang Ngai Province, Vietnam                                               | 2019                                                                  |                                                                |                |
| 13       | Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Phú Yên/Hoa Phat Phu Yen Steel JSC           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4401114587                            | 26/12/2024                           | Sở Tài chính tỉnh Phú Yên/ Provincial Department of Finance of Phu Yen province        | Thôn Phước Tân, xã Hòa Tân, Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam/Phuoc Tan village, Hoa Tam commune, Dong Hoa town, Phu Yen province, Vietnam                                      | T12/2024                                                              |                                                                |                |
| 14       | Công ty Cổ phần Cảng Bãi Góc Phú Yên/Bai Goc Phu Yen Port JSC              | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4401114594                            | 26/12/2024                           | Sở Tài chính tỉnh Phú Yên/ Provincial Department of Finance of Phu Yen province        | Thôn Phước Tân, xã Hòa Tân, Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam/Phuoc Tan village, Hoa Tam commune, Dong Hoa town, Phu Yen province, Vietnam                                      | T12/2024                                                              |                                                                |                |
| 15       | CTCP Dầu tư khoáng sản An Thông/An Thong Mineral Investment JSC            | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 5100232444                            | 05/02/2007                           | Sở Tài chính tỉnh Hà Giang/ Provincial Department of Finance of Ha Giang province      | Số 415 đường Trần Phú, Phường Trần Phú, Thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang/No. 415, Tran Phu Street, Tran Phu Ward, Ha Giang City, Ha Giang Province, Vietnam                          | 2007                                                                  |                                                                |                |
| 16       | CTCP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco/Hoa Phat Mitraco Mineral JSC              | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3001410653                            | 24/1/2011                            | Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh/ Provincial Department of Finance of Ha Tinh province        | Số 02, Đường Vũ Quang, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam/No. 02, Vu Quang Street, Thanh Sen Ward, Ha Tinh Province, Vietnam                                                    | 2011                                                                  |                                                                |                |
| 17       | CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát/Hoa Phat Steel Products JSC                    | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0109463415                            | 18/12/2020                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                                | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam                                                       | T12.2020                                                              |                                                                |                |
| 18       | CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát Hưng Yên /Hoa Phat Hung Yen Steel Products JSC | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901205330                            | 08/08/2025                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Lô CN8, đường F1, Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.                                                                                                     | 08/08/2025                                                            |                                                                |                |
| 19       | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát/Hoa Phat Steel Pipe Co., Ltd                | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0100598873                            | 20/08/1996                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                                | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam                                                       | 2007                                                                  |                                                                |                |
| 20       | CTCP Sản phẩm thép Hòa Phát Long An/Hoa Phat Long An Steel Products        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1101994536                            | 29/10/2021                           | Sở Tài chính Tỉnh Tây Ninh/ Provincial Department of Finance of Tay Ninh province      | Khu G, đường số 1, KCN Thuận Đạo mở rộng, xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam/Zone G, Road No. 1, Thuan Dao Expanded Industrial Park, Long Cang Commune, Tay Ninh Province, Vietnam | T10.2021                                                              |                                                                |                |
| 21       | Công ty TNHH Thép cán nguội Hòa Phát/Hoa Phat Cold Rolled Steel Co., Ltd   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900233014                            | 17/11/2004                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                 | 2007                                                                  |                                                                |                |

| STT/No. | Công ty/Company                                                                                                    | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                                 | Trụ sở chính/Head office                                                                                                                                                                     | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ / The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|
| 22      | Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Bình Dương/Hoa Phát Bình Duong Steel Pipe One Member Co., Ltd                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3700906187                            | 9/5/2008                             | Sở Tài chính TP HCM/ Ho Chi Minh City Department of Finance                            | Lô M, Đường 26, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam/Lot M, Street 26, Song Than 2 Industrial Park, Di An Ward, HCM city, Vietnam                            | 2008                                                                  |                                                                |                |
| 23      | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng/Hoa Phát Da Nang Steel Pipe Co., Ltd                                        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0401590324                            | 10/3/2014                            | Sở Tài chính TP Đà Nẵng / Provincial Department of Finance of Da Nang province         | Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam/Road No. 7, Hoa Khanh Industrial Park, Lien Chieu Ward Da Nang City, Viet Nam                                      | 2014                                                                  |                                                                |                |
| 24      | Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An/Hoa Phát Long An Steel Pipe One Member Co., Ltd                         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1101797369                            | 27/7/2015                            | Sở Tài chính Tỉnh Tây Ninh/ Provincial Department of Finance of Tay Ninh province      | 192 Nguyễn Văn Tuôi, Khu phố 6, Xã Bến Lức, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam/192 Nguyen Van Tuoi Street, Ward 6, Ben Luc Commune, Tay Ninh Province, Vietnam                                          | 2015                                                                  |                                                                |                |
| 25      | Công ty TNHH Tôn Hòa Phát/Hoa Phát Steel Sheet Co., Ltd                                                            | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900990134                            | 26/04/2016                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Đường A2, Khu A, KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Road A2, Zone A, Pho Noi A Industrial Park, Nhu Quynh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                              | 2016                                                                  |                                                                |                |
| 26      | Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát/Hoa Phát Metal Producing Co., Ltd                                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0100365371                            | 22/08/1992                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                                | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam                                                              | 2007                                                                  |                                                                |                |
| 27      | Công ty TNHH Phụ kiện cơ khí Hòa Phát/Hoa Phát Mechanical Fitting Co., Ltd                                         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3502455510                            | 24/05/2021                           | Sở Tài chính TP HCM/ Ho Chi Minh City Department of Finance                            | Lô B6, đường D9, KCN Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/Lot B6, Road D9, Phu My II Industrial Park (expanded), Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh city, Viet Nam  | T05.2021                                                              |                                                                |                |
| 28      | CTCP Sản xuất Container Hòa Phát/Hoa Phát Container Production JSC                                                 | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3502451971                            | 12/04/2021                           | Sở Tài chính TP HCM/ Ho Chi Minh City Department of Finance                            | Lô B5, đường D9, KCN Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/Lot B5, Road D9, Phu My II Industrial Park (expanded), Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh city, Viet Nam  | T04.2021                                                              |                                                                |                |
| 29      | Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát/Hoa Phát Mechanism Manufacturing Co., Ltd                                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3700333271                            | 5/4/2000                             | Sở Tài chính TP HCM/ Ho Chi Minh City Department of Finance                            | 300A/2 khu phố 1B, Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/300A/2 Quarter 1B, Phuong An Phu, Ho Chi Minh City                                                                         | 2007                                                                  |                                                                |                |
| 30      | Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát /Hoa Phát Steel Wire Company Limited                                                | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900198095                            | 20/5/2002                            | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                        | 2007                                                                  |                                                                |                |
| 31      | Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát/Hoa Phát prestressed concrete steel one member limited liability company | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300808363                            | 20/11/2017                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Eastern Industrial Park of Dung Quat Economic Zone, Van Tuong commune, Quang Ngai province, Vietnam | 2017                                                                  |                                                                |                |
| 32      | CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát/Hoa Phát Agriculture Development JSC                                          | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900986272                            | 02/02/2016                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                        | T2/2016                                                               |                                                                |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                          | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                             | Trụ sở chính/ Head office                                                                                                                                       | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 33       | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên/Hoa Phát Hưng Yen Feed Limited company  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900914366                            | 3/3/2015                             | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yen province  | Đường A2, Khu A, KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Road A2, Zone A, Pho Noi A Industrial Park, Nhu Quỳnh Commune, Hưng Yên Province, Vietnam | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 34       | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ/Hoa Phát Phu Tho Feed Limited company    | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 2601057082                            | 9/3/2021                             | Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Provincial Department of Finance of Phu Tho province    | Lô CN05 khu công nghiệp Cẩm Khê, Xã Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/Lot CN05 Cam Khe Industrial Park, Cam Khe commune, Phu Tho Province, Viet Nam               | T03.2021                                                              |                                                               |                |
| 35       | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai/Hoa Phát Dong Nai Feed Limited company  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3603302207                            | 14/8/2015                            | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai / Provincial Department of Finance of Dong Nai province | Lô F, Khu công nghiệp Long Khánh, Phường Bình Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Lot F, Long Khanh Industrial Park, Binh Loc Commune, Dong Nai Province, Viet Nam    | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 36       | CTCP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát/Hoa Phát Livestock Development JSC                    | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900272334                            | 19/6/2007                            | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yen province  | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hưng Yên Province, Vietnam           | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 37       | Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy /Lac Thuy Livestock Company Limited                      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 5400461117                            | 24/3/2015                            | Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ / Provincial Department of Finance of Phu Tho province   | Thôn Suối Tép, Xã Lạc Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/Suoi Tep Village, Lac Thuy Commune, Phu Tho Province                                                         | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 38       | Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động/Son Dong Livestock Company Limited                       | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 2400764194                            | 5/5/2015                             | Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh / Provincial Department of Finance of Bac Ninh province | Thôn Hạ, Xã Dương Hưu, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/Ha Village, Duong Huu Commune, Bac Ninh Province                                                                 | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 39       | Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên/Hoa Yen Livestock One Member Company Limited          | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 5200823426                            | 1/9/2015                             | Sở Tài chính Tỉnh Lào Cai/ Provincial Department of Finance of Lao Cai province    | Thôn Khe Lụa, xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai, Việt Nam/Khe Lua village, Luong Thinh commune, Lao Cai province, Vietnam                                            | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 40       | Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy /Thai Thuy Livestock Company Limited                    | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1001105092                            | 20/9/2016                            | Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yen province  | Thôn Lễ Cù, xã Nam Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Le Cu village, Nam Thuy Anh commune, Hưng Yên province, Vietnam                                            | 2016                                                                  |                                                               |                |
| 41       | Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước/Hoa Phuoc Livestock Company Limited                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3801106275                            | 14/8/2015                            | Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai/ Provincial Department of Finance of Dong Nai province  | Tổ 2, Ấp Đồng Dầu, Xã Minh Đức, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/Group 2, Dong Dau Hamlet, Minh Duc Commune, Dong Nai Province, Viet Nam                                 | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 42       | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát/Hoa Phát Trading Co., Ltd                               | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0101541037                            | 9/9/2004                             | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                            | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam                                 | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 43       | Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát/Dong Phat Livestock Company Limited                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3603339687                            | 30/12/2015                           | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai / Provincial Department of Finance of Dong Nai province | Ấp Cọ Dầu 2, Xã Xuân Đông, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/Co Dau 2 Hamlet, Xuan Dong Commune, Dong Nai Province                                                        | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 44       | Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quang Bình/Hoa Phát Quang Binh Livestock Company Limited | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3101013184                            | 20/1/2016                            | Sở Tài chính Tỉnh Quảng/Trị Provincial Department of Finance of Quang Tri province | Tiểu khu Hữu Nghi, Xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam/Huu Nghi Sub-area, Nam Trach commune, Quang Tri Province, Viet Nam                                    | 2016                                                                  |                                                               |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                                                                                | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                               | Trụ sở chính/ Head office                                                                                                                                                                           | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 45       | Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng/Viet Hung Livestock Company Limited                                                                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1001073323                            | 26/10/2015                           | Sở Tài chính Tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province    | Lô đất diện tích 141.200 m2, thôn Tinh Thủy, xã Hồng Minh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Lot of land area 141.200 m2, Tinh Thủy village, Hong Minh commune, Hung Yen province, Viet Nam                  | 2015                                                                  |                                                               |                |
| 46       | Công ty Cổ phần ván sàn Hòa Phát/Van San JSC                                                                                                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3502510634                            | 10/11/2023                           | Sở Tài chính TP HCM/ Ho Chi Minh City Department of Finance                          | Lô số 35, Đường D.12 KCN Châu Đức, Xã Nghĩa Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ Lot No. 35, Road D.12 Chau Duc Industrial Park, Nghia Thanh Commune, Ho Chi Minh city                           | T11/2023                                                              |                                                               |                |
| 47       | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ/Hoa Phat Phu Tho one member Poultry Co., Ltd                                                         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 2600962108                            | 22/6/2016                            | Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Provincial Department of Finance of Phu Tho province      | Khu Vạn Thắng, xã Đồng Lương, tỉnh Phú Thọ/Van Thang area, Dong Luong commune, Phu Tho province, Viet Nam                                                                                           | 2016                                                                  |                                                               |                |
| 48       | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai/Hoa Phat Dong Nai one member Poultry Co., Ltd                                                       | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3603419999                            | 8/11/2016                            | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai / Provincial Department of Finance of Dong Nai province   | Tổ 18, Ấp 2, Xã Xuân Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/Group 18, Hamlet 2, Xuan Hoa Commune, Dong Nai Province, Viet Nam                                                                                 | 2016                                                                  |                                                               |                |
| 49       | CTCP Phát triển Bất động sản Hòa Phát/Hoa Phat Real Estate Development JSC                                                                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0109449636                            | 10/12/2020                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                              | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66 Nguyen Du, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam                                                                                     | T12.2020                                                              |                                                               |                |
| 50       | CTCP Xây dựng và phát triển đô thị Hòa Phát/Hoa Phat Urban Development and Construction JSC,                                                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0101178864                            | 28/9/2001                            | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                              | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyen Dinh Chieu, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam                                                                     | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 51       | Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Phát Hưng Yên/Hoa Phat Hung Yen Industrial Park Infrastructure Development Company Limited | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900227074                            | 20/5/2003                            | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province    | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                               | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 52       | Công ty TNHH Quản lý khai thác KCN Hòa Mạc/Hoa Mac Industrial Park Exploitation Management Company Limited                                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0700260130                            | 19/5/2008                            | Sở Tài chính Tỉnh Ninh Bình/ Provincial Department of Finance of Ninh Binh province  | Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam/Hoa Mac Industrial Park, Duy Tien ward, Ninh Binh Province, Viet Nam                                                             | 2008                                                                  |                                                               |                |
| 53       | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Miện/Thanh Mien Industrial Park Infrastructure Development JSC                        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0801470159                            | 3/10/2025                            | Sở Tài chính Thành Phố Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong City | Thôn Búi Xá, xã Hải Hưng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam                                                                                                                                             | 2025                                                                  |                                                               |                |
| 54       | Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam/Golden Gain Viet Nam JSC                                                                                  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0102968079                            | 18/12/2009                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                              | Khu N03, khu DT Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, Phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam/Area N03, Southeast Tran Duy Hung Urban Area, Hoang Minh Giam Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Viet Nam | 2017                                                                  |                                                               |                |
| 55       | CTCP Đầu tư và dịch vụ Hà Nội/Investment and services Hanoi JSC                                                                                | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0100837810                            | 27/1/1999                            | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                              | Số 493, đường Trương Định, phường Trương Mai, TP Hà Nội, Việt Nam/No. 493, Trương Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Viet Nam                                                                 | 2009                                                                  |                                                               |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                                                                 | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                              | Trụ sở chính/ Head office                                                                                                                                      | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 56       | CTCP Phát triển bất động sản Hòa Phát Hà Nội/Hoa Phat Ha Noi Real Estate Development JSC                                        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0109616936                            | 4/5/2021                             | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                             | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66 Nguyen Du, Cua Nam Ward, Hanoi City, Vietnam                                                | T05.2021                                                              |                                                               |                |
| 57       | Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp hạ tầng Thăng Long/ Thang Long Infrastructure Construction and Investment Joint Stock Company    | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0104265427                            | 24/11/2009                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                             | Tầng 5A Tòa nhà 257 đường Giải Phóng, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/Floor 5A, Building 257 Giai Phong Street, Bach Mai Ward, Hanoi City, Vietnam | 2018                                                                  |                                                               |                |
| 58       | Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ bảo vệ Hà Nội/Ha Noi Security Services Business Co., Ltd                                        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0105538042                            | 29/9/2011                            | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                             | Số 493, đường Trương Định, phường Trương Mai, TP Hà Nội, Việt Nam/No. 493, Trương Dinh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City, Viet Nam                            | 2011                                                                  |                                                               |                |
| 59       | CTCP Phát triển bất động sản Hòa Phát Sài Gòn/Hoa Phat Sai Gon Real Estate Development JSC                                      | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 316649168                             | 21/12/2020                           | Sở Tài chính TP HCM /Ho Chi Minh City Department of Finance                         | 22 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/22 Vo Van Kiet, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam                                    | 2020                                                                  |                                                               |                |
| 60       | Công ty TNHH Đầu tư phát triển Thành phố mới/New City Development Investment Co., Ltd                                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0305741411                            | 15/05/2018                           | Sở Tài chính TP HCM /Ho Chi Minh City Department of Finance                         | 22 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/22 Vo Van Kiet, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam                                    | T4.2022                                                               |                                                               |                |
| 61       | Công ty Cổ phần phát triển đô thị Hòa Phát Yên Mỹ/Hoa Phat Yen My urban development JSC.                                        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 901120768                             | 09/05/2022                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province   | KCN Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Yen My II Industrial Park, Yen My Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                        | 2022                                                                  |                                                               |                |
| 62       | Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Phúc/Dong Phuc Industrial Park Infrastructure Development JSC           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 2400937866                            | 28/04/2022                           | Sở Tài chính Tỉnh Bắc Ninh / Provincial Department of Finance of Bac Ninh province  | Thôn Đồng Nhân, Xã Đồng Việt, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam/Dong Nhan village, Dong Viet commune, Bac Ninh province, Vietnam                                         | 2022                                                                  |                                                               |                |
| 63       | Công ty Cổ phần phát triển đô thị mới Phú Thọ/Phu Tho new urban development JSC.                                                | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 2601093355                            | 07/06/2023                           | Sở Tài chính Tỉnh Phú Thọ/ Provincial Department of Finance of Phu Tho province     | Số 2181 đường Hùng Vương, Phường Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam/No. 2181 Hung Vuong Street, Viet Tri Ward, Phu Tho Province, Viet Nam                        | T6/2023                                                               |                                                               |                |
| 64       | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lý Thường Kiệt/Ly Thuong Kiet Industrial Park Infrastructure Development JSC | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901165582                            | 24/12/2024                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province   | Thôn Đông Mỹ, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Dong My Village, Yen My Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                                   | T12/2024                                                              |                                                               |                |
| 65       | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Hoàng Diệu/Hoang Dieu Industrial Park Infrastructure Development JSC         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0801435919                            | 26/12/2024                           | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province | Khu dân cư số 6, Xã Gia Lộc, Tỉnh Hải Phòng, Việt Nam/Residential Area No. 6, Gia Loc commune, Hai Phong city, Vietnam                                         | T12/2024                                                              |                                                               |                |
| 66       | Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ và Thương mại Hà Nội/Ha Noi Transport and Commercial JSC                                     | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0110885210                            | 08/11/2024                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                             | Tầng 1, tòa nhà 70 đường Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Thành phố Hà Nội/1st Floor, Building 70 Nguyen Duc Canh Street, Tuong Mai Ward, Hanoi City        | T11/2024                                                              |                                                               |                |
| 67       | Công ty CP Phát triển Hạ tầng KCN Hòa Tâm/Hoa Tam Industrial Park Infrastructure Development JSC                                | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4401112244                            | 09/07/2024                           | Sở Tài chính tỉnh Phú Yên/ Provincial Department of Finance of Phu Yen province     | Thôn Phước Tân, xã Hòa Tâm, Thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam/Phuoc Tan village, Hoa Tam commune, Dong Hoa town, Phu Yen province, Vietnam               | T7/2024                                                               |                                                               |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                                              | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registration No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                                 | Trụ sở chính/ Head office                                                                                                                                                                    | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| 68       | CTCP Điện máy gia dụng Hòa Phát/Hoa Phat Home Appliances JSC                                                 | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0109754171                            | 27/09/2021                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                                | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng Ward, Hanoi City, Vietnam                                                              | T09/2021                                                              |                                                               |                |
| 69       | Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát/Hoa Phat Refrigeration Engineering Co., Ltd                                  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0900187865                            | 04/07/2001                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam                                        | 2007                                                                  |                                                               |                |
| 70       | Công ty Cổ phần Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ/Hoa Phat Phu My Refrigeration Engineering Co., Ltd                 | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3502458783                            | 27/07/2021                           | Sở Tài chính TP HCM /Ho Chi Minh City Department of Finance                            | Lô B3, đường D9, KCN Phú Mỹ II mở rộng, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/Lot B3, Road D9, Phu My II Industrial Park (expanded), Tan Phuoc Ward, Ho Chi Minh city, Viet Nam  | T7/2021                                                               |                                                               |                |
| 71       | CTCP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam/Hoa Phat Ha Nam Home Appliances JSC                                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0700855956                            | 07/10/2021                           | Sở Tài chính Tỉnh Hà Nam/ Provincial Department of Finance of Ha Nam province          | Khu công nghiệp Hoa Mạc, Phường Duy Tiên, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam./Hoa Mac Industrial Park, Duy Tien ward, Ninh Binh Province, Viet Nam                                                     | T10/2021                                                              |                                                               |                |
| 72       | Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ thép Hòa Phát Long An/Hoa Phat Long An Steel Trading Service JSC          | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1102081313                            | 13/01/2025                           | Sở Tài chính Tây Ninh/ Provincial Department of Finance of Tay Ninh province           | Lô D1 & D4, đường N11, KCN Cầu cảng Phước Đông, Ấp 5, đường tỉnh 826B, xã Tân Lân, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam                                                                                   | 13/01/2025                                                            |                                                               |                |
| 73       | Công ty Cổ phần Ray và Thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất/Hoa Phat Dung Quat rail and special steel JSC        | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300905430                            | 05/03/2025                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Eastern Industrial Park of Dung Quat Economic Zone, Van Tuong commune, Quang Ngai province, Vietnam | 05/03/2025                                                            |                                                               |                |
| 74       | Công ty TNHH Chế tạo thiết bị Hòa Phát Dung Quất/Hoa Phat Dung Quat equipment manufacturing Co., Ltd         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4300906000                            | 24/03/2025                           | Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi / Provincial Department of Finance of Quang Ngai province | Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Eastern Industrial Park of Dung Quat Economic Zone, Van Tuong commune, Quang Ngai province, Vietnam | 24/03/2025                                                            |                                                               |                |
| 75       | Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh/Green urban residence development JSC                             | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901182806                            | 18/03/2025                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Tổ dân phố Yên Tập, Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/Yen Tap Residential Group, My Hao Ward, Hung Yen Province, Viet Nam                                                               | 18/03/2025                                                            | T01/2026                                                      |                |
| 76       | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp số 6/ No 6 Industrial Park Infrastructure Development JSC | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901199912                            | 21/07/2025                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Thôn Áp Phú, Xã Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Ap Phu village, An Thi commune, Hung Yen Province, Viet Nam                                                                                 | 21/07/2025                                                            |                                                               |                |
| 77       | Công ty cổ phần Phát triển Đô thị Mỹ Hào/ Mỹ Hao Urban Development Joint Stock Company                       | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901129873                            | 11/11/2022                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province      | Tổ dân phố Cộng Hòa, Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ Cong Hoa Residential Group, My Hao Ward, Hung Yen Province, Vietnam                                                             | T11/2022                                                              | T01/2026                                                      |                |
| 78       | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Nha Trang / Hoa Phat Nha Trang Real Estate Development JSC  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4202047128                            | 14/01/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa/ Provincial Department of Finance of Khanh Hoa province    | Tầng 12, số 42 Lê Thành Phương, Phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam                                                                                                               | T01/2026                                                              | T06/2026                                                      |                |

| STT/ No. | Công ty/Company                                                                                                               | Quan hệ/Relationship                       | Số GCN ĐKDN/Business Registrations No. | Ngày cấp lần đầu/Date of first issue | Nơi cấp/Place of issue                                                                   | Trụ sở chính/Head office                                                                                                                   | Thời điểm bắt đầu là NCLQ / The starting point is the person involved | Thời điểm không còn là NCLQ /The moment is no longer relevant | Lý do / Reason   |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|
| 79       | Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hòa Tân/ Hòa Tan Development of livestock JSC.                                           | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3801340814                             | 07/01/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai/ Provincial Department of Finance of Dong Nai province        | Tổ 3, Ấp Đồng Tân, xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Group 3, Dong Tan Hamlet, Tan Loi Commune, Dong Nai Province, Vietnam              | T01/2026                                                              |                                                               |                  |
| 80       | Công ty Cổ phần Tập đoàn Tương lai Sông Hồng                                                                                  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0111284491                             | 05/02/2026                           | Sở Tài chính TP Hà Nội/ Provincial Department of Finance of Ha Noi                       | Tầng 4, toà nhà Capital Tower, số 109 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam                                      | T2/2026                                                               |                                                               | Công ty liên kết |
| 81       | Công ty Cổ phần Xây lắp dân dụng và Công nghiệp Hưng Long / Hung Long Civil and industrial construction JSC                   | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 0901241755                             | 28/05/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province        | KCN Yên Mỹ II, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                                                                                          | T5/2026                                                               |                                                               |                  |
| 82       | Công ty Cổ phần Chế biến và Sản xuất vật liệu xây dựng Hòa Phát/ Hoa Phat Building materials processing and manufacturing JSC | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 4601670077                             | 24/06/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên / Provincial Department of Finance of Thai Nguyen province | Xóm Tân Bình, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam                                                                                      | T6/2026                                                               |                                                               |                  |
| 83       | Công ty Cổ phần Điện gió ngoài khơi sông Hậu                                                                                  | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 1801833118                             | 20/06/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Cần Thơ Nguyễn / Provincial Department of Finance of Can Tho province  | Số 121/5 đường số 1, khu dân cư GVĐHCT, khu vực 8, phường Tân An, thành phố Cần Thơ, Việt Nam                                              | T6/2026                                                               |                                                               | Công ty liên kết |
| 84       | Công ty Cổ phần Phát triển chăn nuôi Hải Ninh/ Hai Ninh Development of livestock JSC.                                         | Tổ chức có liên quan/ Related organization | 3401289296                             | 01/06/2026                           | Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng/ Provincial Department of Finance of Lam Dong province        | Khu vực Tà Mú, thôn An Hoà, xã Hải Ninh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam/ Ta Mu area, An Hoa Village, Hai Ninh Commune, Lam Dong Province, Vietnam | T06/2026                                                              |                                                               |                  |

Phụ lục 02: Mục VII: 2 và 4.1

| STT /<br>No. | Nội dung /<br>Content                                           |                                                      | Mục VII.4.1       | Đi vay/<br>Borrow          |                        |                   | Góp vốn/ Contribute<br>capital | Lợi nhuận chuyển về/<br>Profits transferred |
|--------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------|------------------------|-------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
|              | Tên công ty/<br>Company name                                    | Thu tiền vay/ Collect<br>loan money                  |                   | Trả vay/ Loan<br>repayment | Lãi vay/ Loan interest |                   |                                |                                             |
| 1            | Công ty cổ phần Dầu tư Khoáng sản An Thông                      | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT    | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 2            | Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương                         | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<br>PTGD là TV HDQT         | 462,000,000,000   | 80,000,000,000             | 1,811,506,849          | -                 | -                              |                                             |
| 3            | Công ty cổ phần Vận tải biển Hòa Phát                           | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<br>PTGD là Chủ tịch HDQT   | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 4            | Công ty cổ phần Sản phẩm Thép Hòa Phát                          | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Phó<br>CT HDQT là Chủ tịch HDQT | -                 | -                          | -                      | 50,000,000,000    | 1,401,945,205,375              |                                             |
| 5            | Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên                             | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT    | 360,000,000,000   | 360,000,000,000            | 749,589,041            | -                 | -                              |                                             |
| 6            | Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên<br>tại Bình Dương |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 7            | Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ thép Hòa Phát<br>Long An     |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 8            | Công ty cổ phần Gang Thép Hòa Phát                              | Ông Nguyễn Việt Thắng TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT    | 1,200,000,000,000 | -                          | 4,528,767,123          | 3,566,000,000,000 | 3,601,658,163,792              |                                             |
| 9            | Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát                                  | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Phó<br>CT HDQT là Chủ tịch HDTV | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 10           | Chi nhánh Công ty TNHH Ống thép Hoà Phát                        |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 11           | Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Bình<br>Dương                |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 12           | Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất                         | Ông Nguyễn Việt Thắng TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT    | 650,000,000,000   | -                          | 2,205,821,918          | -                 | -                              |                                             |
| 13           | Công ty TNHH Harmonia                                           |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 14           | Công ty TNHH Tôn Hòa Phát                                       | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn Phó<br>CT HDQT là Chủ tịch HDTV | -                 | 100,000,000,000            | 52,054,795             | -                 | -                              |                                             |
| 15           | Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát                                 | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<br>PTGD là Chủ tịch HDTV   | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |
| 16           | Chi nhánh Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát tại Hà<br>Nội         |                                                      | -                 | -                          | -                      | -                 | -                              |                                             |

| STT/<br>No. | Nội dung /<br>Content                                                  |  | Mục VII.4.1                                        | Đi vay/<br>Borrow                   |                            |                        | Góp vốn/ Contribute<br>capital | Lợi nhuận chuyển về/<br>Profits transferred |
|-------------|------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
|             | Tên công ty/<br>Company name                                           |  |                                                    | Thu tiền vay/ Collect<br>loan money | Trả vay/ Loan<br>repayment | Lãi vay/ Loan interest |                                |                                             |
| 17          | Chi nhánh Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát tại<br>Thành phố Hồ Chí Minh |  |                                                    | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 18          | Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát                       |  | Ông Hoàng Quang Việt TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT   | 250,000,000,000                     | 12,000,000,000             | 1,600,424,657          | -                              | 4,297,643,849,834                           |
| 19          | Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà<br>Nội             |  | Ông Hoàng Quang Việt TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT   | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 20          | Công Ty Cổ Phần Phát Triển Bất Động Sản Hòa Phát<br>Sài Gòn            |  |                                                    | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 21          | Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới                           |  |                                                    | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 22          | Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát                                 |  | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT  | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 23          | Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát                                   |  | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT  | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 24          | Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát                             |  | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<br>PTGD là Chủ tịch HDQT | -                                   | -                          | -                      | -                              | 87,514,985,633                              |
| 25          | Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà<br>Nam                   |  | Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyễn<br>PTGD là Chủ tịch HDQT | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 26          | Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát                                         |  | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT  | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 27          | Công ty TNHH Một Thành Viên Thép Dự Ứng Lực<br>Hòa Phát                |  | Ông Nguyễn Ngọc Quang TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT  | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 28          | Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa<br>Phát              |  | Ông Hoàng Quang Việt TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT   | -                                   | 128,000,000,000            | 7,976,082,191          | -                              | -                                           |
| 29          | Công ty cổ phần đầu tư Xây lắp hạ tầng Thăng Long                      |  |                                                    | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 30          | Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp<br>Hòa Phát Hưng Yên   |  | Ông Hoàng Quang Việt TV<br>HDQT là Chủ tịch HDQT   | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |
| 31          | Công ty cổ phần Golden Gain Việt Nam                                   |  |                                                    | -                                   | -                          | -                      | -                              | -                                           |

| STT /<br>No. | Nội dung /<br>Content<br><br>Tên công ty/<br>Company name                           | Mục VII.4.1                                       | Đi vay/<br>Borrow                   |                            |                        | Góp vốn/ Contribute<br>capital | Lợi nhuận chuyển về/<br>Profits transferred |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------|
|              |                                                                                     |                                                   | Thu tiền vay/ Collect<br>loan money | Trả vay/ Loan<br>repayment | Lãi vay/ Loan interest |                                |                                             |
|              |                                                                                     | Ông Nguyễn Việt Thắng TV<br>HĐQT là Chủ tịch HĐQT | -                                   | -                          | -                      | -13,211,387,634                | 505,946,242,200                             |
| 32           | Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp Hòa Phát                                     |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 33           | Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ                                           |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 34           | Công ty cổ phần phát triển chăn nuôi Hòa Phát                                       |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 35           | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Hưng<br>Yên                                 |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 36           | Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Hòa Phát Đồng<br>Nai                                 |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 37           | Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát                                                    |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 38           | Công ty cổ phần Sản phẩm thép Hòa Phát Long An                                      |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 39           | Chi nhánh Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát<br>Hà Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |
| 40           | Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp<br>Đồng Phúc                     |                                                   |                                     | 341,000,000,000            | 5,273,260,274          |                                |                                             |
| 41           | Công ty Cổ phần Phát triển Khu Đô thị xanh                                          |                                                   |                                     | 1,160,000,000,000          | 1,169,315,068          |                                |                                             |
| 42           | Công ty Cổ phần phát triển đô thị Hòa Phát Yên Mỹ                                   |                                                   |                                     | 284,500,000,000            | 8,172,568,493          |                                |                                             |
| 43           | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát<br>Nha Trang                       |                                                   | 240,000,000,000                     | 240,000,000,000            | 287,602,740            |                                |                                             |
| 44           | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp<br>Hoàng Diệu                    |                                                   |                                     | 454,000,000,000            | 6,952,109,589          |                                |                                             |
| 45           | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp<br>Thanh Miện                    |                                                   |                                     | 160,000,000,000            | 374,794,520            |                                |                                             |
| 46           | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp<br>Lý Thường Kiệt                |                                                   |                                     | 330,000,000,000            | 5,068,767,123          |                                |                                             |
| 47           | Công ty Cổ phần Ván sản Hòa Phát                                                    |                                                   |                                     |                            |                        |                                |                                             |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ (tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. *,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/<br>Place of issue                                    | Địa chỉ liên hệ / Address                                          | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be<br>related | Lý do<br>(khí<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>đến<br>mục<br>6.4) | Ghi<br>chú<br>(về<br>việc<br>không<br>có sổ<br>Giấy<br>NSH<br>liên<br>quan<br>và các<br>ghi<br>chú<br>khác) |
|-------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 2                                        | 3                                                        | 4                                             | 5                                                                          | 6                                                                       | 7                                    | 8                                                          | 9                          | 10                                                            | 11                                                                 | 12                                                      | 13                                                                                          | 14                                                                                                 | 15                                                                                                    | 16                                                                                 | 17                                                                                                          |
| 1           | HPG                                      | Trần Đình Long                                           |                                               | Chủ tịch HĐQT<br>/Chairman                                                 |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Bộ công an                                                    |                                                                    | 1,980,000,000                                           | 25.80%                                                                                      | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.01        | HPG                                      | Trần Đình Tân                                            |                                               |                                                                            | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 1,251,964                                               | 0.02%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.02        | HPG                                      | Hoàng Thị Ngọc Châm                                      |                                               |                                                                            | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.03        | HPG                                      | Trần Đình Thăng                                          |                                               |                                                                            | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 417,988                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.04        | HPG                                      | Nguyễn Thị Tuyết                                         |                                               |                                                                            | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 555,984                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.05        | HPG                                      | Trần Anh Tuyết                                           |                                               |                                                                            | Em gái/<br>Younger sister                                               | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 1,251,964                                               | 0.02%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.06        | HPG                                      | Lê Ngọc Hồ                                               |                                               |                                                                            | Em rể/ brother-<br>in-law                                               | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 1,000                                                   | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.07        | HPG                                      | Vũ Thị Hiền                                              |                                               |                                                                            | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 528,000,000                                             | 6.88%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.08        | HPG                                      | Trần Huyền Linh                                          |                                               |                                                                            | Con gái/<br>daughter                                                    | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.09        | HPG                                      | Trần Vũ Minh                                             |                                               |                                                                            | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 209,683,900                                             | 2.73%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.10        | HPG                                      | Ngô Thụy Tiến                                            |                                               |                                                                            | Con dâu/<br>daughter-in-<br>law                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.11        | HPG                                      | Công ty TNHH Thương mại và<br>đầu tư Đại Phong           |                                               |                                                                            | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0107611178                                                 | 27/10/2016                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance | Số 12 Tran Hung Dao, P. Phan Chu Trinh,<br>Q. Hoan Kiem, TP Hà Nội | 3,613,896                                               | 0.05%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 1.12        | HPG                                      | Công ty Cổ phần Tập đoàn<br>Tương Lai Sóng Hồng          |                                               |                                                                            | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 011128491                                                  | 14/11/2025                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance | Tầng 4, toà nhà Capital Tower số 109<br>Trần Hưng Đạo, Hà Nội      | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2           | HPG                                      | Trần Tuấn Dương                                          |                                               | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/Vice<br>Chairman of<br>BOD                            |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 177,586,764                                             | 2.31%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.01        | HPG                                      | Công ty cổ phần đầu tư và xây<br>dựng Sao Phương Bắc     |                                               |                                                                            | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0104910797                                                 | 16/9/2010                  | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance | 7A Pho Hue, Hang Bat, Hoan Kiem, Ha<br>Nội                         | 43,769,000                                              | 0.57%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.02        | HPG                                      | Trần Thị Tinh                                            |                                               |                                                                            | Mẹ/ Mother                                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.03        | HPG                                      | Đinh Thị Thìn                                            |                                               |                                                                            | Mẹ vợ/<br>mother- in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.04        | HPG                                      | Trần Thị Phương Liên                                     |                                               |                                                                            | Chị gái/ older<br>sister                                                | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 68,000                                                  | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.05        | HPG                                      | Nguyễn Đức Tuấn                                          |                                               |                                                                            | Anh<br>rể/Brother-in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.06        | HPG                                      | Vũ Thị Hiệp                                              |                                               |                                                                            | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.07        | HPG                                      | Trần Ngọc Diệp                                           |                                               |                                                                            | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 9,266,400                                               | 0.12%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |
| 2.08        | HPG                                      | Trần Bảo Ngọc                                            |                                               |                                                                            | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                  |                                                                    | 9,266,400                                               | 0.12%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                    |                                                                                                             |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. *,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                                    | Địa chỉ liên hệ / Address                                                | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>đến<br>mục<br>nhé) | Ghi<br>chú<br>khác |
|-------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 2.09        | HPG                                      | Trần Gia Bảo                                             |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 9,266,400                                               | 0.12%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3           | HPG                                      | Đoàn Gia Cường                                           |                                               | Phó Chủ tịch<br>HDQT/Vice<br>Chairman of<br>BOD                           |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 6,064                                                   | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.01        | HPG                                      | Đoàn Thị Kim Quy                                         |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 830,541                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.02        | HPG                                      | Nguyễn Khoa Sơn                                          |                                               |                                                                           | Anh<br>re/Brother-in-<br>law                                            | CMND                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 517,815                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.03        | HPG                                      | Đoàn Thị Bích Ngọc                                       |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.04        | HPG                                      | Đoàn Thị Minh Dung                                       |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | Hộ chiếu                             |                                                            |                            | CHLB Đức                                                                                   |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.05        | HPG                                      | Sommy Tran                                               |                                               |                                                                           | Anh<br>re/Brother-in-<br>law                                            | Hộ chiếu                             |                                                            |                            | CHLB Đức                                                                                   |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.06        | HPG                                      | Phan Thị Thu Lan                                         |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 13,494,752                                              | 0.18%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.07        | HPG                                      | Đoàn Quang Thịnh                                         |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.08        | HPG                                      | Võ Thị Hải Yến                                           |                                               |                                                                           | Con dâu/<br>daughter-in-<br>law                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.09        | HPG                                      | Đoàn Thu Hương                                           |                                               |                                                                           | Con<br>gái/daughter<br>in-law                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.10        | HPG                                      | Nguyễn Minh Hoàng                                        |                                               |                                                                           | Con rể/son-in-<br>law                                                   | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.11        | HPG                                      | Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát<br>Triển Xây Dựng Phoenix    |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0900935359                                                 | 19/10/2015                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hung Yen province | Thôn Trung Kênh Cầu, Xã Hoàn Long,<br>Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam            | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 3.12        | HPG                                      | Công ty CPTM&SX Nội Thất<br>The One                      |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0100385089                                                 | 26/10/2006                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hung Yen province | Đường B4, Khu B, KCN Phố Nối A, Xã<br>Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4           | HPG                                      | Nguyễn Mạnh Tuấn                                         |                                               | Phó Chủ tịch<br>HDQT/Vice<br>Chairman of<br>BOD                           |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 174,088,076                                             | 2.27%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.01        | HPG                                      | Lê Thị Viết                                              |                                               |                                                                           | Mẹ vợ/<br>mother- in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.02        | HPG                                      | Nguyễn Văn Đàm                                           |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 35,755                                                  | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.03        | HPG                                      | Ngô Thị Lan                                              |                                               |                                                                           | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.04        | HPG                                      | Nguyễn Văn Thọ                                           |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | Hộ chiếu                             |                                                            |                            | Frankfurt am Main                                                                          |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.05        | HPG                                      | Hà Thị Thu Thủy                                          |                                               |                                                                           | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | Hộ chiếu                             |                                                            |                            | Frankfurt am Main                                                                          |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.06        | HPG                                      | Nguyễn Thị Cúc                                           |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.07        | HPG                                      | Đoàn Nhật Thiện                                          |                                               |                                                                           | Anh<br>re/Brother-in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |
| 4.08        | HPG                                      | Nguyễn Mạnh Hùng                                         |                                               |                                                                           | Em trai/<br>Younger<br>brother                                          | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                          | 1,067,844                                               | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                    |                    |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual                             | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No.*,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                                    | Địa chỉ liên hệ / Address                                                                                                                                                                               | Số cổ phiếu sở hữu<br>cúi kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated | Lý do<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>NSH<br>Giấy<br>chứng<br>khoán<br>và các<br>ghi<br>nhớ | Ghi<br>chú<br>(về<br>việc<br>không<br>có sổ<br>Giấy<br>chứng<br>khoán) |
|-------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 4.09        | HPG                                      | Bùi Thị Liên Hương                                                                   |                                               |                                                                           | Em dâu/<br>Sister-in-law                                                | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 13                                                     | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.10        | HPG                                      | Đào Thị Thanh Phương                                                                 |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 10.015.807                                             | 0.13%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.11        | HPG                                      | Nguyễn Tuấn Tú                                                                       |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 13.899.600                                             | 0.18%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.12        | HPG                                      | Dương Hoàng Lan Nhi                                                                  |                                               |                                                                           | Con dâu/<br>daughter-in-<br>law                                         | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.13        | HPG                                      | Nguyễn Đức Duy                                                                       |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 13.899.600                                             | 0.18%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.14        | HPG                                      | CTCP Sản phẩm thép Hòa<br>Phát/Hoa Phát Steel Products<br>JSC                        |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0109463415                                                | 18/12/2020                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                              | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai<br>Ba Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39<br>Nguyễn Đình Chiểu, Hai Ba Trưng Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.15        | HPG                                      | Công ty TNHH Ông thép Hòa<br>Phát Đà Nẵng /Hòa Phát Đà<br>Nang Steel Pipe Co., Ltd   |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 401590324                                                 | 10/03/2014                 | Sở Tài chính TP Đà Nẵng<br>/ Provincial Department of<br>Finance of Da Nang<br>province    | Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường<br>Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt<br>Nam/Road No. 7, Hoa Khanh Industrial<br>Park, Lien Chieu Ward Da Nang City,<br>Viet Nam                                     | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.16        | HPG                                      | CTCP Sản xuất Container Hòa<br>Phát/Hoa Phát Container<br>Production JSC             |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 3502451971                                                | 12/04/2021                 | Sở Tài chính TP HCM/ Ho<br>Chi Minh City Department<br>of Finance                          | Lô B5, đường D9, KCN Phú Mỹ II mở<br>rộng, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ<br>Chí Minh, Việt Nam/Lot B5, Road D9,<br>Phu My II Industrial Park (expanded), Tan<br>Phuoc Ward, Ho Chi Minh city, Viet Nam | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.17        | HPG                                      | Công ty TNHH Tôn Hòa<br>Phát/Hoa Phát Steel Sheet Co.,<br>Ltd                        |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0900990134                                                | 26/04/2016                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hung Yen province | Đường A2, Khu A, KCN Phố Nối A, Xã<br>Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt<br>Nam/Road A2, Zone A, Pho Noi A<br>Industrial Park, Nhu Quỳnh Commune,<br>Hung Yen Province, Vietnam                             | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 4.18        | HPG                                      | Công ty TNHH Ông thép Hòa<br>Phát/Hoa Phát Steel Pipe Co.,<br>Ltd                    |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0100598873                                                | 20/08/1996                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                              | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai<br>Ba Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39<br>Nguyễn Đình Chiểu, Hai Ba Trưng Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5           | HPG                                      | Nguyễn Ngọc Quang                                                                    |                                               | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/Member<br>of BOD                                     |                                                                         | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 125.485.714                                            | 1.63%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.01        | HPG                                      | Nguyễn Mạnh Hùng                                                                     |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CMND                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 404.742                                                | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.02        | HPG                                      | Trương Ngọc Diệp                                                                     |                                               |                                                                           | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CMND                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 417.062                                                | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.03        | HPG                                      | Nguyễn Văn Anh                                                                       |                                               |                                                                           | Em gái/<br>Younger sister                                               | Hộ chiếu                             |                                                           |                            | USA                                                                                        |                                                                                                                                                                                                         | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.04        | HPG                                      | Nguyễn Hồng Văn                                                                      |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CMND                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 2.403.772                                              | 0.03%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.05        | HPG                                      | Nguyễn Hà My                                                                         |                                               |                                                                           | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 6.600.000                                              | 0.09%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.06        | HPG                                      | Nguyễn Quang Minh                                                                    |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát                                                                               |                                                                                                                                                                                                         | 6.600.000                                              | 0.09%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.07        | HPG                                      | Công ty TNHH Thép Hòa Phát<br>Hưng Yên/Hoa Phát Hưng Yên<br>Steel Co., Ltd           |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 09000629369                                               | 24/11/2010                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hung Yen province | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Văn Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial<br>Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung<br>Yen Province, Vietnam                                                         | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.08        | HPG                                      | Công ty TNHH Chế tạo cơ khí<br>Hòa Phát/Hoa Phát Mechanism<br>Manufacturing Co., Ltd |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 3700333271                                                | 5/4/2000                   | Sở Tài chính TP HCM/ Ho<br>Chi Minh City Department<br>of Finance                          | 300A/2 khu phố 1B, Phường An Phú,<br>Thành phố Hồ Chí Minh, Việt<br>Nam/300A/2 Quarter 1B, Phuong An Phu,<br>Ho Chi Minh City                                                                           | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |
| 5.09        | HPG                                      | Công ty TNHH Chế tạo kim loại<br>Hòa Phát/Hoa Phát Metal<br>Producing Co., Ltd       |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0100365371                                                | 22/08/1992                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                              | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai<br>Ba Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39<br>Nguyễn Đình Chiểu, Hai Ba Trưng Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                | -                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                                               |                                                                        |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual                                                                        | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. *,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                                         | Địa chỉ liên hệ / Address                                                                                                                                                                                | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated | Lý do<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>NSH<br>Giấy<br>quan<br>đến<br>mục | Chú<br>thích<br>(về<br>việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>và các<br>ghi<br>nhắc) |
|-------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 5.10        | HPG                                      | Công ty TNHH MTV Thép dự<br>tăng lực Hòa Phát/Hoa Phát<br>prestressed concrete steel one<br>member limited liability<br>company |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 4300808363                                                 | 20/11/2017                 | Sở Tài chính tỉnh Quang<br>Ngãi / Provincial<br>Department of Finance of<br>Quang Ngai province | Khu công nghiệp phía Đông Khu kinh tế<br>Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng<br>Ngãi, Việt Nam/Eastern Industrial Park of<br>Dung Quat Economic Zone, Vạn Tường<br>commune, Quang Ngai province, Vietnam | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6           | HPG                                      | Hoàng Quang Việt                                                                                                                |                                               | Phó Chủ tịch<br>HĐQT/Member<br>of BOD                                     |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 34,701,722                                              | 0.45%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.01        | HPG                                      | Hoàng Thị Hoan                                                                                                                  |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.02        | HPG                                      | Lê Như Linh                                                                                                                     |                                               |                                                                           | Anh<br>rể/Brother-in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.03        | HPG                                      | Hoàng Công Hoàn                                                                                                                 |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.04        | HPG                                      | Nguyễn Thị Dung                                                                                                                 |                                               |                                                                           | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.05        | HPG                                      | Nguyễn Thị Lan                                                                                                                  |                                               |                                                                           | Chị dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 177,481                                                 | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.06        | HPG                                      | Nguyễn Thị Hải Yến                                                                                                              |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 751,162                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.07        | HPG                                      | Hoàng Nhật Anh                                                                                                                  |                                               |                                                                           | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 1,320,000                                               | 0.02%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.08        | HPG                                      | Lê Anh Minh                                                                                                                     |                                               |                                                                           | Con rể/son-in-<br>law                                                   | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 14                                                      | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.09        | HPG                                      | Hoàng Nhật Minh                                                                                                                 |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 1,320,000                                               | 0.02%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.10        | HPG                                      | CTCP Phát triển Bất động sản<br>Hòa Phát/Hoa Phát Real Estate<br>Development JSC                                                |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0109449636                                                 | 10/12/2020                 | Sở KH &ĐT TP Hà Nội/<br>Department of Planning<br>and Investment of Ha Noi<br>province          | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66<br>Nguyễn Du, Cua Nam Ward, Hanoi City,<br>Vietnam                                                                                 | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.11        | HPG                                      | CTCP Đầu tư và dịch vụ Hà<br>Nội/Investment and services<br>Hanoi JSC                                                           |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 100837810                                                  | 27/01/1999                 | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                                   | Số 493, đường Trương Định, phường<br>Trương Mai, TP Hà Nội, Việt Nam/No.<br>493, Trương Định Street, Trương Mai<br>Ward, Hanoi City, Viet Nam                                                            | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.12        | HPG                                      | CTCP Xây dựng và phát triển<br>đô thị Hòa Phát/Hoa Phát Urban<br>Development and Construction<br>JSC.                           |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0101178864                                                 | 28/9/2001                  | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                                   | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai<br>Ba Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39<br>Nguyễn Đình Chiểu, Hai Ba Trưng Ward,<br>Hanoi City, Vietnam                                                                 | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 6.13        | HPG                                      | CTCP Phát triển bất động sản<br>Hòa Phát Hà Nội/Hoa Phát Ha<br>Noi Real Estate Development<br>JSC                               |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0109616936                                                 | 4/5/2021                   | Sở Tài chính TP Hà<br>Nội/Hanoi City<br>Department of Finance                                   | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66<br>Nguyễn Du, Cua Nam Ward, Hanoi City,<br>Vietnam                                                                                 | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 7           | HPG                                      | Nguyễn Việt Thắng                                                                                                               |                                               | Thành viên<br>HĐQT kiêm<br>Tổng Giám<br>đốc/Member of<br>BOD & CEO        |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | 24,618,199                                              | 0.32%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 7.01        | HPG                                      | Nguyễn Xuân Phong                                                                                                               |                                               |                                                                           | Bố đẻ/Father                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 7.02        | HPG                                      | Nguyễn Thị Kim Trâm                                                                                                             |                                               |                                                                           | Mẹ/ Mother                                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 7.03        | HPG                                      | Vũ Thị Trinh                                                                                                                    |                                               |                                                                           | Mẹ vợ/<br>mother- in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |
| 7.04        | HPG                                      | Nguyễn Thanh Diệu Hương                                                                                                         |                                               |                                                                           | Chị gái/ older<br>sister                                                | Hộ chiếu                             |                                                            |                            | Lãnh sự quán VN tại Đức                                                                         |                                                                                                                                                                                                          | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                          |                                                                                           |                                                                                 |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual                        | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. *,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/<br>Place of issue                                                                     | Địa chỉ liên hệ / Address                                                                                                                                                              | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be affiliated | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>NSH<br>liên<br>quan<br>đến<br>mục<br>phục) | Ghi<br>chú<br>(nếu<br>có) |
|-------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 7.05        | HPG                                      | Đoàn Văn Vinh                                                                   |                                               |                                                                           | Anh<br>rể/Brother-in-<br>law                                            | Hồ chiếu                             |                                                            |                            | Deutsch                                                                                        |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.06        | HPG                                      | Nguyễn Thị Ngọc Anh                                                             |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 11.760                                                  | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.07        | HPG                                      | Nguyễn Đình Huy                                                                 |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.08        | HPG                                      | Nguyễn Đình Hiếu                                                                |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.09        | HPG                                      | CTCP Thép Hòa Phát Hải<br>Dương/Hoa Phát Hải Dương<br>Steel JSC                 |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0800384651                                                 | 17/08/2007                 | Sở Tài chính tỉnh Hai<br>Phòng/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hai Phong province   | Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp<br>Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương,<br>Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area,<br>Hiep Son Ward, Kinh Mon Town, Hai<br>Duong Province, Vietnam | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.1         | HPG                                      | CTCP Gang thép Hòa Phát/Hoa<br>Phat Iron and Steel JSC                          |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0109463408                                                 | 18/12/2020                 | Sở Tài chính TP Hà Nội/<br>Provincial Department of<br>Finance of Ha Noi                       | Số 66 Nguyễn Du, Phường Cửa Nam,<br>Thành phố Hà Nội, Việt Nam/No. 66<br>Nguyen Du, Cua Nam Ward, Hanoi City,<br>Vietnam                                                               | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.11        | HPG                                      | Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát<br>Phủ Yên/Hoa Phát Phú Yên<br>Steel JSC          |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 4401114587                                                 | 26/12/2024                 | Sở Tài chính tỉnh Phú<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Phu Yen province       | Thôn Phước Tân, xã Hòa Tân, Thị xã<br>Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, Việt Nam/Phuoc<br>Tan village, Hoa Tam commune, Dong<br>Hoa town, Phu Yen province, Vietnam                              | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.12        | HPG                                      | CTCP Thép Hòa Phát Dung<br>Quất/Hoa Phát Dung Quat Steel<br>JSC                 |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 4300793861                                                 | 03/02/2017                 | Sở Tài chính tỉnh Quảng<br>Ngãi/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Quang Ngai province | Khu kinh tế Dung Quất, Xã Vạn Tường,<br>Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam/Dung Quat<br>Economic Zone, Van Tuong Commune,<br>Quang Ngai Province, Vietnam                                       | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 7.13        | HPG                                      | CTCP Phát triển Nông nghiệp<br>Hòa Phát/Hoa Phát Agriculture<br>Development JSC |                                               |                                                                           | Tổ chức có<br>liên<br>quan/Related<br>organization                      | ĐKDN/<br>Business<br>registration    | 0900986272                                                 | 02/02/2016                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng<br>Yên/ Provincial<br>Department of Finance of<br>Hung Yen province     | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn<br>Vân Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial<br>Park, Giai Pham Commune, Yen My<br>District, Hung Yen Province, Vietnam                             | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8           | HPG                                      | Chu Quang Vũ                                                                    |                                               | Thành viên độc<br>lập HĐQT<br>/Independent<br>Member                      |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.01        | HPG                                      | Chu Quang Việt                                                                  |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 98.899                                                  | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.02        | HPG                                      | Nguyễn Thị Nguyệt                                                               |                                               |                                                                           | Chi dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 528.453                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.03        | HPG                                      | Chu Quang Viên                                                                  |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.04        | HPG                                      | Ấu Lê Quân                                                                      |                                               |                                                                           | Chi dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.05        | HPG                                      | Chu Quang Vinh                                                                  |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.06        | HPG                                      | Bùi Minh Thủy                                                                   |                                               |                                                                           | Chi dâu/ sister-<br>in-law                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.07        | HPG                                      | Thái Minh Huệ                                                                   |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.08        | HPG                                      | Chu Minh Ngọc                                                                   |                                               |                                                                           | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 4.804                                                   | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 8.09        | HPG                                      | Chu Khánh Ngọc                                                                  |                                               |                                                                           | Con<br>gái/daughter                                                     | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9           | HPG                                      | Đặng Ngọc Khánh                                                                 |                                               | Thành viên độc<br>lập HĐQT<br>/Independent<br>Member                      |                                                                         | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 500.000                                                 | 0.01%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9.01        | HPG                                      | Lương Thị Giang                                                                 |                                               |                                                                           | Vợ/Wife                                                                 | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | 3.672                                                   | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9.02        | HPG                                      | Đặng Trường Chinh                                                               |                                               |                                                                           | Bố de/Father                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9.03        | HPG                                      | Bùi Thị Phúc                                                                    |                                               |                                                                           | Mẹ/ Mother                                                              | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9.04        | HPG                                      | Nguyễn Thị Đại                                                                  |                                               |                                                                           | Mẹ vợ/<br>mother- in-<br>law                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |
| 9.05        | HPG                                      | Đặng Ngọc Lộc                                                                   |                                               |                                                                           | Anh/ brother                                                            | CCCD                                 |                                                            |                            | Cục cảnh sát                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 21/4/2026                                                                                          |                                                                                                       |                                                                                                            |                           |

| STT/ No. | Mã chứng khoán/ stock symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of organiza tion/indi vidual                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ (nếu có) Position at the Company (if any) | Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons | Loại hình giấy NSH /Paper Type | Số Giấy NSH/No. *, date of issue, place of issue (*) | Ngày cấp /date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                           | Địa chỉ liên hệ / Address                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/ Time of ending to be affiliated person | Lý do (khi phát sinh thay đổi) Reason (when change occurs) | Ghi chú Remark |
|----------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------|
| 9.06     | HPG                          | Đặng Hoàng Lan                                                            |                                         |                                                   | Con gái/daughter                                            | Còn nhỏ                        |                                                      |                         |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.07     | HPG                          | Đặng Quang Long                                                           |                                         |                                                   | Con trai/ son                                               | Còn nhỏ                        |                                                      |                         |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.08     | HPG                          | Đặng Lương Khánh Linh                                                     |                                         |                                                   | Con gái/daughter                                            | Còn nhỏ                        |                                                      |                         |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.09     | HPG                          | Công ty Cổ phần MSH Holdings                                              |                                         |                                                   | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0108370052                                           | 19/07/2018              | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                           | O số 17 Tầng 3 tháp B Tòa nhà D2 Giang Vo, p. Giang Vo, q. Ba Đình, Tp. Hà Nội                                                                    | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.10     | HPG                          | Công ty Cổ phần Megan Holdings                                            |                                         |                                                   | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0110275141                                           | 06/03/2023              | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                           | O số 8 – Tầng 4 Khu văn phòng, Tòa nhà D2 Phố Giang Vo, p. Giang Vo, q. Ba Đình, Tp. Hà Nội                                                       | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.11     | HPG                          | Công ty Cổ phần Dầu tư Vĩnh Phát                                          |                                         |                                                   | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0101295180                                           | 28/03/2007              | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                           | 298A đường Bưởi, p. Vĩnh Phúc, q. Ba Đình, Tp. Hà Nội                                                                                             | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 9.12     | HPG                          | Công ty Cổ phần Dầu tư MS Holding                                         |                                         |                                                   | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0110702883                                           | 03/05/2024              | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                           | Tầng 9 Tòa nhà Viet, Số 1 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội                                                          | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10       | HPG                          | Ta Tuấn Quang                                                             |                                         | Thành viên độc lập HĐQT /Independent Member       |                                                             |                                |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 60,000                                            | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.01    | HPG                          | Mai Thị Tuy                                                               |                                         |                                                   | Mẹ                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.02    | HPG                          | Nguyễn Thị Thoa                                                           |                                         |                                                   | Mẹ vợ                                                       | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.03    | HPG                          | Ta Thị Nguyệt                                                             |                                         |                                                   | Chị                                                         | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.04    | HPG                          | Nguyễn Hồng Khoái                                                         |                                         |                                                   | Anh rể                                                      | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.05    | HPG                          | Ta Thị Nga                                                                |                                         |                                                   | Chị                                                         | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.06    | HPG                          | Ta Tuấn Hiền                                                              |                                         |                                                   | Anh                                                         | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.07    | HPG                          | Nguyễn Thị Mai Lan                                                        |                                         |                                                   | Chị dâu                                                     | CCCD                           |                                                      |                         | Bộ CA                                                                             |                                                                                                                                                   | 31,260                                            | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.08    | HPG                          | Ta Mai Hương                                                              |                                         |                                                   | Em                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Bộ CA                                                                             |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.09    | HPG                          | Nguyễn Văn Đại                                                            |                                         |                                                   | Em rể                                                       | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 104,688                                           | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.10    | HPG                          | Ta Kim Nhung                                                              |                                         |                                                   | Em                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.11    | HPG                          | Lê Anh Tuấn                                                               |                                         |                                                   | Em rể                                                       | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 136,724                                           | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.12    | HPG                          | Ta Phương Lan                                                             |                                         |                                                   | Em                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.13    | HPG                          | Vũ Đức Thắng                                                              |                                         |                                                   | Em rể                                                       | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.14    | HPG                          | Ta Thị Hằng                                                               |                                         |                                                   | Em                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.15    | HPG                          | Nguyễn Thị Hồng Hải                                                       |                                         |                                                   | Vợ                                                          | CCCD                           |                                                      |                         | Bộ CA                                                                             |                                                                                                                                                   | 2,102,732                                         | 0.03%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.16    | HPG                          | Ta Tuấn Dương                                                             |                                         |                                                   | Con                                                         | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 570,292                                           | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.17    | HPG                          | Lê Bá Thái Quỳnh                                                          |                                         |                                                   | Con dâu                                                     | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.18    | HPG                          | Ta Tuấn Tường                                                             |                                         |                                                   | Con                                                         | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 505,945                                           | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.19    | HPG                          | Nguyễn Phương Thanh                                                       |                                         |                                                   | Con dâu                                                     | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 10.20    | HPG                          | CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát/Hoa Phat Agriculture Development JSC |                                         |                                                   | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    |                                                      |                         | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hung Yen province | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial Park, Giai Pham Commune, Yen My District, Hung Yen Province, Vietnam | -                                                 | 0.00%                                                                  | 21/4/2026                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 11       |                              |                                                                           |                                         | Phó Tổng Giám đốc/Deputy General Manager          |                                                             |                                | 0900986272                                           | 02/02/2016              |                                                                                   |                                                                                                                                                   | 805,042                                           | 0.01%                                                                  | 10/03/2017                                                                       |                                                                                   |                                                            |                |
| 11.01    | HPG                          | Nguyễn Thị Thảo Nguyễn                                                    |                                         |                                                   | Bố đẻ/Father                                                | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 11.02    | HPG                          | Nguyễn Hữu Lợi                                                            |                                         |                                                   | Mẹ đẻ/ Mother                                               | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 11.03    | HPG                          | Nguyễn Thị Thuận                                                          |                                         |                                                   | Anh/ brother                                                | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 293,884                                           | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |
| 11.04    | HPG                          | Nguyễn Hữu Mạnh                                                           |                                         |                                                   | Chị dâu/ sister-in-law                                      | CCCD                           |                                                      |                         | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                   |                                                            |                |

| STT/ No. | Mã chứng khoán/ stock symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual                         | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)                                                   | Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons | Loại hình giấy NSH /Paper Type | Số Giấy NSH/No.*, date of issue, place of issue (*) | Ngày cấp /date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                             | Địa chỉ liên hệ / Address                                                                                                                           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/Time of ending to be affiliated person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục ghi chú về việc không có sổ NSH Giấy ghi chú) |
|----------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11.05    | HPG                          | Nguyễn Hữu Bình                                                             |                                         |                                                                                                                 | Em trai/Younger brother                                     | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.06    | HPG                          | Vũ Thị Năm                                                                  |                                         |                                                                                                                 | Em dâu/Sister-in-law                                        | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.07    | HPG                          | Lê Đình Hợp                                                                 |                                         |                                                                                                                 | Chồng/Husband                                               | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.08    | HPG                          | Lê Nguyễn Minh Châu                                                         |                                         |                                                                                                                 | Con gái/daughter                                            | Căn cước                       |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.09    | HPG                          | Lê Nguyễn Thanh Phong                                                       |                                         |                                                                                                                 | Con trai/ son                                               | Căn cước                       |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.10    | HPG                          | Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát/Hoa Phát Refrigeration Engineering Co., Ltd |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0900187865                                          | 04/07/2001              | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yên province   | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial Park, Giai Pham Commune, Yen My District, Hung Yen Province, Vietnam   | -                                                 | 0.00%                                                                  | 10/3/2017                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.11    | HPG                          | CTCP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam/Hoa Phát Hà Nam Home Appliances JSC  |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0700855956                                          | 07/10/2021              | Sở Tài chính tỉnh Hà Nam/ Provincial Department of Finance of Hà Nam province       | Khu công nghiệp Hòa Mạc, Phường Dục Tiến, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam./Hoa Mac Industrial Park, Dục Tiến ward, Ninh Binh Province, Viet Nam            | -                                                 | 0.00%                                                                  | 2021                                                                             |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.12    | HPG                          | CTCP Điện máy gia dụng Hòa Phát/Hoa Phát Home Appliances JSC                |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0109754171                                          | 27/09/2021              | Sở Tài chính TP Hà Nội/Hanoi City Department of Finance                             | Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội/No. 39 Nguyễn Đình Chiểu, Hai Bà Trưng Ward, Hanoi City, Vietnam                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 2021                                                                             |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.13    | HPG                          | CTCP Năng lượng Hòa Phát/Hoa Phát Energy JSC                                |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0800385380                                          | 30/8/2007               | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province | Tổ dân phố Hiệp Thương, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam | -                                                 | 0.00%                                                                  |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.14    | HPG                          | CTCP Vận tải biển Hòa Phát/Hoa Phát Shipping JSC                            |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0801300608                                          | 24/10/2019              | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province | Tổ dân phố Hiệp Thương, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam | -                                                 | 0.00%                                                                  | 2019                                                                             |                                                                                  |                                                                                               |
| 11.15    | HPG                          | CTCP Thép Hòa Phát Hải Dương/Hoa Phát Hai Duong Steel JSC                   |                                         |                                                                                                                 | Tổ chức có liên quan/Related organization                   | ĐKDN/ Business registration    | 0800384651                                          | 17/8/2007               | Sở Tài chính tỉnh Hải Phòng/ Provincial Department of Finance of Hai Phong province | Tổ dân phố Hiệp Thương, Phường Phạm Sư Mạnh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam/Hiep Thuong Residential Area, Phan Su Manh Ward, Hai Phong city, Vietnam | -                                                 | 0.00%                                                                  |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               |
| 12       | HPG                          | Trần Thị Thu Hiền                                                           |                                         | PTGD kiêm Người phụ trách quản trị Công ty /Deputy General Manager cum Person in charge of corporate governance |                                                             | CCCD                           |                                                     |                         | Bộ công an                                                                          |                                                                                                                                                     | 7.621                                             | 0.00%                                                                  | 1/12/2023                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 12.01    | HPG                          | Trần Văn Cừ                                                                 |                                         |                                                                                                                 | Bố đẻ/Father                                                | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | 10.124                                            | 0.00%                                                                  | 1/12/2023                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 12.02    | HPG                          | Phạm Bá Doan                                                                |                                         |                                                                                                                 | Bố chồng/ Father-in-law                                     | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 1/12/2023                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 12.03    | HPG                          | Nguyễn Thị Hạnh                                                             |                                         |                                                                                                                 | Mẹ chồng/ mother-in-law                                     | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 1/12/2023                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |
| 12.04    | HPG                          | Trần Thị Lan Hương                                                          |                                         |                                                                                                                 | Chị gái/ older sister                                       | CCCD                           |                                                     |                         | Cục cảnh sát                                                                        |                                                                                                                                                     | -                                                 | 0.00%                                                                  | 1/12/2023                                                                        |                                                                                  |                                                                                               |

| STT/<br>No. | Mã chứng khoán/<br>stock symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Quan hệ với người nội bộ<br>Relationship with internal persons | Loại hình giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. <sup>a</sup> ,<br>date of issue, place of issue <sup>(*)</sup> | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ liên hệ / Address | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>Percentage of share ownership at the end | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục ghi chú) | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
| 12.05       | HPG                             | Nguyễn Văn Vui                                      |                                         |                                                                  | Anh rể/Brother-in-law                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.06       | HPG                             | Trần Thị Hồng Thơm                                  |                                         |                                                                  | Chị gái/ older sister                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.07       | HPG                             | Phan Văn Vọng                                       |                                         |                                                                  | Anh rể/Brother-in-law                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.08       | HPG                             | Trần Xuân Hường                                     |                                         |                                                                  | Anh/ brother                                                   | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.09       | HPG                             | Trần Thị Lan Anh                                    |                                         |                                                                  | Chị dâu/ sister-in-law                                         | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.10       | HPG                             | Phạm Bá Dương                                       |                                         |                                                                  | Chồng/ husband                                                 | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.11       | HPG                             | Phạm Bá Minh Đức                                    |                                         |                                                                  | Con trai/ son                                                  | Còn nhỏ                           |                                                                                |                            |                         |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.12       | HPG                             | Phạm Gia Khánh                                      |                                         |                                                                  | Con trai/ son                                                  | Còn nhỏ                           |                                                                                |                            |                         |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 12.13       | HPG                             | Phạm Gia Hân                                        |                                         |                                                                  | Con gái/daughter                                               | Còn nhỏ                           |                                                                                |                            |                         |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 1/12/2023                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13          | HPG                             |                                                     |                                         | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng/CFO and Chief Accountant  |                                                                |                                   |                                                                                |                            |                         |                           |                                                      |                                                                           |                                                                                  |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.01       | HPG                             | Phạm Thị Kim Oanh                                   |                                         |                                                                  |                                                                | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/04/2016                                                                       |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.02       | HPG                             | Nguyễn Thị Nghĩa                                    |                                         |                                                                  | Mẹ/ Mother                                                     | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.03       | HPG                             | Phạm Hồng Hà                                        |                                         |                                                                  | Bố chồng/ Father-in-law                                        | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.04       | HPG                             | Nguyễn Hữu Đạo                                      |                                         |                                                                  | Mẹ chồng/ mother-in-law                                        | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.05       | HPG                             | Dương Thị Vãn                                       |                                         |                                                                  | Em trai/Younger brother                                        | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.06       | HPG                             | Phạm Ngọc Hùng                                      |                                         |                                                                  | Em dâu/ Sister-in-law                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.07       | HPG                             | Trịnh Thị Trang                                     |                                         |                                                                  | Chồng/ husband                                                 | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.08       | HPG                             | Nguyễn Huy Trinh                                    |                                         |                                                                  | Con trai/ son                                                  | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 13.09       | HPG                             | Nguyễn Phạm Minh Hưng                               |                                         |                                                                  | Con gái/older sister                                           | CCCD                              |                                                                                |                            | Bộ công an              |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14          | HPG                             | Nguyễn Mỹ Anh                                       |                                         |                                                                  | Con gái/daughter                                               | Cần cước                          |                                                                                |                            |                         |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 28/4/2016                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.01       | HPG                             | Bùi Thị Hải Vân                                     |                                         | Trưởng BKS /Head of BOS                                          |                                                                | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.02       | HPG                             | Lê Thị Na                                           |                                         |                                                                  | Mẹ/ Mother                                                     | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.03       | HPG                             | Hà Văn Ân                                           |                                         |                                                                  | Bố chồng/ Father-in-law                                        | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.04       | HPG                             | Nguyễn Thị Thủy                                     |                                         |                                                                  | Mẹ chồng/ mother-in-law                                        | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.05       | HPG                             | Bùi Thị Hải Lý                                      |                                         |                                                                  | Chị gái/ older sister                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.06       | HPG                             | Hoàng Xuân Phương                                   |                                         |                                                                  | Anh rể/Brother-in-law                                          | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.07       | HPG                             | Hà Trung Kiên                                       |                                         |                                                                  | Chồng/ husband                                                 | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
| 14.08       | HPG                             | Hà Minh Phong                                       |                                         |                                                                  | Con trai/ son                                                  | CCCD                              |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |
|             |                                 | Hà Minh Vũ                                          |                                         |                                                                  | Con trai/ son                                                  | Còn nhỏ                           |                                                                                |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                    | 0.00%                                                                     | 21/4/2026                                                                        |                                                                                      |                                                          |         |

| STT/<br>No. | Mã chứng khoán/<br>stock symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual                       | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any)    | Quan hệ với người nội bộ<br>Relationship with internal persons | Loại hình giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No. <sup>a</sup> ,<br>date of issue, place of issue (%) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue                                                           | Tỷ lệ liên hệ / Address                                                                                                                           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>Number of shares owned | Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ<br>Percentage of share ownership at the end | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan/<br>Time of ending to be affiliated | Lý do phát sinh thay đổi liên quan đến danh mục<br>(when the change occurs) | Ghi chú<br>(Remarks) |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 14.09       | HPG                             | CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát/Hoa Phat Agriculture Development JSC |                                         |                                                                     | Tổ chức có liên quan/Related organization                      | ĐKDN/<br>Business registration    | 0900986272                                                          | 02/02/2016                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yên province | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial Park, Giai Pham Commune, Yen My District, Hung Yen Province, Vietnam | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15          | HPG                             | Thái Thị Lệ                                                               |                                         | Member of BOS                                                       |                                                                |                                   |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 1.000                                                | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.01       | HPG                             | Phạm Văn Tuấn                                                             |                                         |                                                                     | Chồng/<br>husband                                              | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.02       | HPG                             | Phạm Tuệ Chi                                                              |                                         |                                                                     | Con                                                            |                                   |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.03       | HPG                             | Phạm Minh Phát                                                            |                                         |                                                                     | gái/daughter                                                   | Còn nhỏ                           |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.04       | HPG                             | Thái Văn Tùng                                                             |                                         |                                                                     | Con trai/ son                                                  | Còn nhỏ                           |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.05       | HPG                             | Nguyễn Thị Thìn                                                           |                                         |                                                                     | Bố de/Father                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.06       | HPG                             |                                                                           |                                         |                                                                     | Mẹ/ Mother                                                     | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.07       | HPG                             | Phạm Thị Nguyệt                                                           |                                         |                                                                     | Mẹ chồng/<br>mother-in-law                                     | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.08       | HPG                             | Thái Thị Loan                                                             |                                         |                                                                     | Chi gái/ older sister                                          | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.09       | HPG                             | Nguyễn Xuân Thịnh                                                         |                                         |                                                                     | Anh rể/Brother-in-law                                          | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.10       | HPG                             | Thái Văn Công                                                             |                                         |                                                                     | Anh/ brother                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.11       | HPG                             | Võ Thị Hà                                                                 |                                         |                                                                     | Em dâu/ Sister-in-law                                          | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 15.12       | HPG                             | Nguyễn Thị Minh Khuê                                                      |                                         |                                                                     | Anh/ brother                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16          | HPG                             | Ngô Lan Anh                                                               |                                         | Member of BOS                                                       | Em dâu/ Sister-in-law                                          | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.01       | HPG                             | Trịnh Minh Hải                                                            |                                         |                                                                     | Chồng/<br>husband                                              | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.02       | HPG                             | Trịnh Anh Duy                                                             |                                         |                                                                     | Con trai/ son                                                  | Còn nhỏ                           |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.03       | HPG                             | Trịnh Thu Thảo                                                            |                                         |                                                                     | Con gái/daughter                                               | Còn nhỏ                           |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.04       | HPG                             | Ngô Sỹ Nguyễn                                                             |                                         |                                                                     | Bố de/Father                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.05       | HPG                             | Đỗ Thị Lan                                                                |                                         |                                                                     | Mẹ/ Mother                                                     | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.06       | HPG                             | Võ Sĩ Gin                                                                 |                                         |                                                                     | Mẹ chồng/<br>mother-in-law                                     | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.07       | HPG                             | Ngô Thái Ninh                                                             |                                         |                                                                     | Anh/ brother                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.08       | HPG                             | Trần Việt Hà                                                              |                                         |                                                                     | Em dâu/ Sister-in-law                                          | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | 12.870                                               | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 16.09       | HPG                             | CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát/Hoa Phat Agriculture Development JSC |                                         |                                                                     | Tổ chức có liên quan/Related organization                      | ĐKDN/<br>Business registration    | 0900986272                                                          | 02/02/2016                 | Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên/ Provincial Department of Finance of Hưng Yên province | Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, Hưng Yên/Pho Noi A Industrial Park, Giai Pham Commune, Yen My District, Hung Yen Province, Vietnam | -                                                    | 0.00%                                                            | 21/4/2026                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 17          | HPG                             | Lê Minh Thủy                                                              |                                         | Người phụ trách Kiểm toán nội bộ/Person in charge of Internal Audit |                                                                | CCCD                              |                                                                     |                            |                                                                                   |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 11/3/2024                                                                            |                                                                               |                                                                             |                      |
| 17.01       | HPG                             | Lê Quang Anh                                                              |                                         |                                                                     | Bố de/Father                                                   | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 11/03/2024                                                                           |                                                                               |                                                                             |                      |
| 17.02       | HPG                             | Nguyễn Thị Oanh                                                           |                                         |                                                                     | Mẹ/ Mother                                                     | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 11/03/2024                                                                           |                                                                               |                                                                             |                      |
| 17.03       | HPG                             |                                                                           |                                         |                                                                     | Em gái/ Younger sister                                         | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 11/03/2024                                                                           |                                                                               |                                                                             |                      |
| 17.04       | HPG                             | Lê Thị Phương Lan                                                         |                                         |                                                                     | Em trai/ Younger brother                                       | CCCD                              |                                                                     |                            | Cục cảnh sát                                                                      |                                                                                                                                                   | -                                                    | 0.00%                                                            | 11/03/2024                                                                           |                                                                               |                                                                             |                      |

| STT/<br>No. | Mã<br>chứng<br>khoán/<br>stock<br>symbol | Tên tổ chức/cá nhân Name of<br>organiza tion/indi vidual | Tài khoản giao<br>dịch chứng<br>khoán(nếu có) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Quan hệ với<br>người nội bộ<br>Relationship<br>with internal<br>persons | Loại hình<br>giấy NSH<br>/Paper Type | Số Giấy NSH/No.*,<br>date of issue, place of<br>issue (*) | Ngày cấp<br>/date of issue | Nơi cấp/ Place of issue | Địa chỉ liên hệ / Address | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ Number of<br>shares owned | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage<br>of share<br>ownership<br>at the end | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên<br>quan/Time of<br>starting<br>to be affiliated<br>person | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên<br>quan/<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated | Lý do<br>(khi<br>phát<br>sinh<br>thay<br>đổi<br>liên<br>quan<br>đến<br>mục<br>nhất) | Ghi<br>chú<br>(về<br>việc<br>không<br>có số<br>Giấy<br>NSH<br>và các<br>ghi<br>chú<br>khác) |
|-------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17.05       | HPG                                      | Trần Trọng Khang                                         |                                               |                                                                           | Bố chồng/<br>Father-in-law                                              | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 11/03/2024                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                     |                                                                                             |
| 17.06       | HPG                                      | Dương Thị Châu Hương                                     |                                               |                                                                           | Mẹ chồng/<br>mother- in-<br>law                                         | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 11/03/2024                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                     |                                                                                             |
| 17.07       | HPG                                      | Trần Khánh Linh                                          |                                               |                                                                           | Chồng/<br>husband                                                       | CCCD                                 |                                                           |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 11/03/2024                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                     |                                                                                             |
| 17.08       | HPG                                      | Trần Vũ Anh                                              |                                               |                                                                           | Con trai/ son                                                           | Căn cước                             |                                                           |                            | Cục cảnh sát            |                           | -                                                       | 0.00%                                                                                       | 11/03/2024                                                                                         |                                                                                                          |                                                                                     |                                                                                             |

**Phụ lục 04 mục VIII.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company**

Từ/ from 01/01/2026 đến/ to 30/06/2026

| STT<br>/No. | Người thực hiện<br>giao dịch/<br>Transaction<br>executor | Quan hệ với người<br>nội bộ/Relationship<br>with internal<br>persons | Số cổ phiếu sở hữu đầu<br>kỳ/Number of shares owned<br>at the beginning |                      | Số cổ phiếu sở hữu cuối<br>kỳ/Number of shares owned at<br>the end |                      | Lý do Reasons for<br>increasing,<br>decreasing<br>((buying, selling,<br>converting,<br>rewarding, etc.) |
|-------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             |                                                          |                                                                      | Số cổ phiếu<br>/Number of<br>shares                                     | Tỷ lệ/<br>Percentage | Số cổ phiếu/<br>Number of shares                                   | Tỷ lệ/<br>Percentage |                                                                                                         |
| 1           | Trần Vũ Minh                                             | Con trai Chủ tịch<br>HĐQT/ Chairman of<br>BOM's son                  | 176,391,996                                                             | 2.30%                | 209,683,900                                                        | 2.73%                | Mua cổ phiếu /<br>Buy                                                                                   |
| 2           | Nguyễn Ngọc<br>Quang                                     | Thành viên<br>HĐQT/Member of<br>BOM                                  | 125,485,714                                                             | 1.96%                | 119,155,714                                                        |                      | Bán cổ phiếu/Sell                                                                                       |

